



BẢN TIN **Khoa học** **Công nghệ**

ISSN 2815 - 584X



Số 04-2023

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI



BẢN TIN Khoa học Công nghệ

Số 04-2023



Chịu trách nhiệm xuất bản:

THS. NGUYỄN VĂN THÀNH

Giám đốc Sở KH&CN

Thực hiện:

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI

202 - Trường Chinh - TP. Quảng Ngãi

Điện thoại: 0255.3822007

Fax: 0255.3828529

Email: ttuudvkhcn-sk@quangngai.gov.vn

Website: <https://skh.quangngai.gov.vn>

Ảnh bìa 1:

Cán bộ nghiên cứu viên Trường Đại học Quy Nhơn đo đếm các chỉ tiêu sinh-nông học trên ruộng trồng nếp Ngự Sa Huỳnh tại xã Phổ Châu, thị xã Đức Phổ.

Trong số này:

Kính Biểu

◆ Những vấn đề chung:

✎ Kế hoạch Tổ chức Cuộc thi "Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi" lần thứ 5.

ANH NGUYỄN 1

✎ Kế hoạch triển khai thực hiện đề án thuộc Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi.

THANH MINH 2

✎ Kế hoạch thực hiện năm dữ liệu số, tạo lập và khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới năm 2023 tỉnh Quảng Ngãi.

MAI HƯƠNG 3

✎ Rút ngắn thời gian giải quyết đối với Danh mục dịch vụ công trực tuyến.

NGUYỄN TÚ 5

◆ Khoa học - Công nghệ và đổi mới sáng tạo:

✎ Giải pháp phát triển cây sắn bền vững tại tỉnh Quảng Ngãi.

ANH KHUÊ 7

✎ Ứng dụng kỹ thuật mới trong sản xuất Bưởi da xanh và Chuối mốc theo hướng hàng hóa đạt tiêu chuẩn VietGAP tại huyện miền núi Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi.

THANH MINH 10

✎ Sản xuất lúa giống xác nhận và gạo chất lượng cao đạt tiêu chuẩn VietGAP.

PHƯƠNG NGUYỄN 14

✎ Nghiên cứu chẩn đoán biến chứng thận bằng Microalbumin niệu trên bệnh nhân đái tháo đường típ 2 điều trị ngoại trú tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi.

MINH PHƯƠNG 17

✎ Đánh giá kết quả kỹ thuật thụ tinh nhân tạo tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi.

NGUYỄN TÚ 19

✎ Khởi nghiệp từ phát triển nghề truyền thống của gia đình.

CẨM PHƯƠNG 22

✎ Thanh tra tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, ghi nhãn hàng hóa và sở hữu công nghiệp trong sản xuất, kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ.

DUNG NGUYỄN 24

◆ Thông tin khoa học và công nghệ:

25

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CUỘC THI “KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH QUẢNG NGÃI” LẦN THỨ 5

 ANH NGUYỄN

Với mục đích khuyến khích và thúc đẩy phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh, tạo sự lan tỏa mạnh mẽ tinh thần khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, văn hóa khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong cộng đồng; Thu hút sự quan tâm, hỗ trợ của xã hội, doanh nghiệp và các tổ chức tư vấn, hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong và ngoài tỉnh đối với phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Kế hoạch số 1153/KH-SKHCN ngày 05/7/2023 tổ chức Cuộc thi “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi” lần thứ 5.

Đối tượng dự thi là các tổ chức, nhóm cá nhân, cá nhân trong và ngoài tỉnh có ý tưởng, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo triển khai hoặc dự kiến triển khai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Đối với doanh nghiệp phải có thời gian đăng ký kinh doanh không quá 5 năm kể từ lần đăng ký đầu tiên. Thành viên Ban Tổ chức, Ban Thư ký và Hội đồng Giám khảo cuộc thi không được dự thi.

Lĩnh vực dự thi: Ý tưởng, dự án, mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thuộc tất cả các ngành, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khuyến khích các ý tưởng, dự án, mô hình khởi nghiệp thuộc các ngành, lĩnh vực theo định hướng phát triển của tỉnh.

Thời gian đăng ký dự thi: Thời gian nhận hồ sơ đăng ký dự thi từ ngày 15/7/2023 đến trước 17 giờ 00 phút ngày 15/11/2023.

Hồ sơ dự thi đăng ký dự thi có thể nộp dưới các hình thức:

+ Nộp trực tuyến qua địa chỉ email:

knstquangngai@gmail.com.

+ Gửi qua đường bưu điện về địa chỉ Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi (địa chỉ 202a Trường Chinh, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi). Thời gian trên dấu của bưu điện nơi gửi được tính là ngày nộp hồ sơ dự thi.

+ Nộp trực tiếp tại Phòng Quản lý Công nghệ và Chuyên ngành, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi (địa chỉ 202a Trường Chinh, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi).

Cơ cấu giải thưởng: gồm: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba và 4 giải khuyến khích.

Phần thưởng: Giải Nhất: 40 triệu đồng; giải Nhì: 32 triệu đồng; giải Ba: 24 triệu đồng; giải Khuyến Khích: 8 triệu đồng.

Ngoài ra, các dự án đạt giải còn có cơ hội kết nối với các cổ vấn, nhà đầu tư; được nhận quà tặng, tài trợ từ các nhà tài trợ và các chính sách ưu đãi hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh. Giải thưởng tiền mặt sẽ được chuyển khoản cho tổ chức, cá nhân tác giả của dự án, ý tưởng trong vòng 15 ngày làm việc sau khi giải thưởng được công bố. Dự án đạt giải phải tự chịu trách nhiệm về khoản thuế thu nhập cá nhân và những khoản thuế hoặc lệ phí liên quan đến giải thưởng (nếu có) theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Cuộc thi được chia làm 3 vòng thi:

+ Vòng sơ khảo (Thời gian: Từ 16/11/2023 - 24/11/2023)

+ Vòng bán kết (Thời gian: Từ 18/12/2023 – 30/12/2023)

+ Vòng chung kết (Thời gian: Ngày 01/3/2024 - 10/3/2024) ■

Kế hoạch Triển khai thực hiện đề án thuộc Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi

✍ THANH MINH

Thương mại điện tử là một trong các lĩnh vực tiên phong của nền kinh tế số, nơi các công nghệ tiên tiến của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) được ứng dụng rộng rãi để tăng hiệu quả của chu trình kinh doanh, góp phần hiện đại hóa hệ thống phân phối, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 11/5/2023 về Triển khai thực hiện đề án thuộc Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi.

Với mục tiêu là hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử uy tín nhằm giới thiệu, quảng bá và xây dựng thương hiệu giữa doanh nghiệp và khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường; cụ thể là hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh tham gia giới thiệu, quảng bá, bán sản phẩm trên các sàn giao dịch thương mại điện tử: Voso, Postmart, Alibaba, Amazon, Lazada, Tiki, Shopee,...

Theo đó, nội dung của Kế hoạch triển khai gồm:

1. Đối tượng tham gia:

Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh (dự kiến hỗ trợ 05 doanh nghiệp) có sản phẩm đảm bảo uy tín, chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm và các tiêu chuẩn khác có liên quan.

2. Thời gian thực hiện:

12 tháng kể từ ngày đăng ký thành viên.

3. Nội dung thực hiện:

Hỗ trợ nâng cao năng lực cho các thương nhân sản xuất kinh doanh và các



Xu hướng mua sắm online đang là mối quan tâm của nhiều doanh nghiệp.

thương nhân xuất khẩu tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử uy tín, cụ thể:

- Đánh giá, lựa chọn doanh nghiệp hỗ trợ.
- Đăng ký thành viên, thiết kế gian hàng.
- Hướng dẫn, bàn giao cho các doanh nghiệp được hỗ trợ.
- Nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí.
- Duy trì, chăm sóc, quản trị gian hàng và hỗ trợ sử dụng GGS.
- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch.

4. Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện: 500.000.000 đồng, trong đó:

- Kinh phí từ Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia năm 2023: 350.000.000 đồng.

- Kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương: 150.000.000 đồng ■

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM DỮ LIỆU SỐ, TẠO LẬP VÀ KHAI THÁC DỮ LIỆU ĐỂ TẠO RA GIÁ TRỊ MỚI NĂM 2023 TỈNH QUẢNG NGÃI

✍️ MAI HƯƠNG

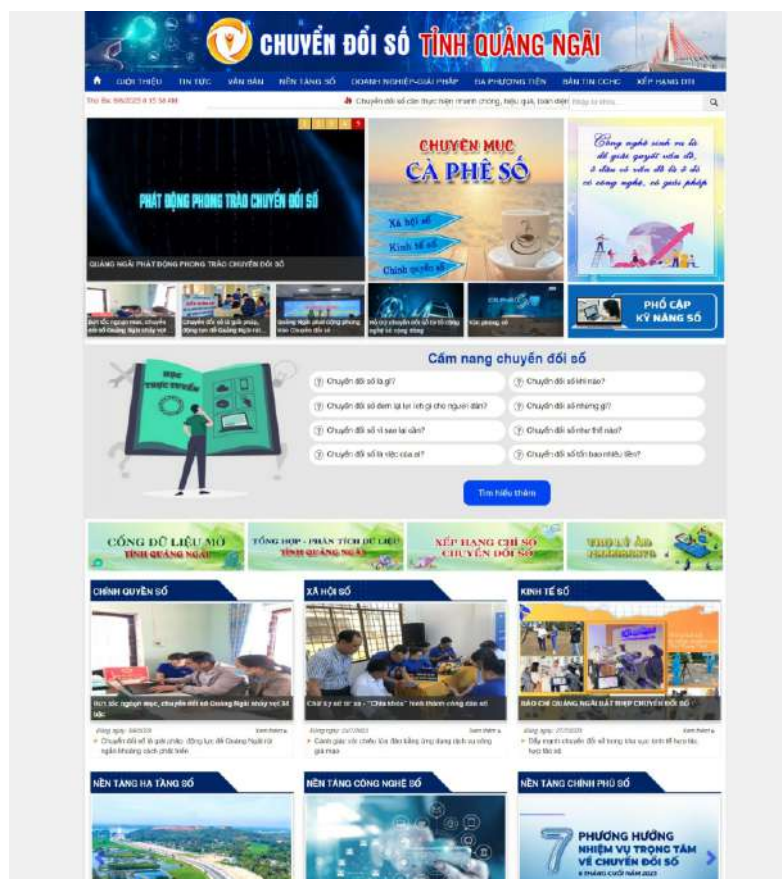
Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 03/QĐ-BCĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về Kế hoạch thực hiện năm dữ liệu số, tạo lập và khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới năm 2023 tỉnh Quảng Ngãi.

Quan điểm, mục đích của Kế hoạch:

Dữ liệu hình thành trong hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc tỉnh là tài sản đặc biệt do UBND tỉnh thống nhất quản lý, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, phát triển kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số.

Dữ liệu về tỉnh bao gồm dữ liệu do các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh thu thập, tạo lập để hình thành các cơ sở dữ liệu; do tổ chức và công dân cung cấp và được chia sẻ từ cơ quan nhà nước khác. Các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh có nghĩa vụ khai thác, sử dụng và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu số theo quy định của pháp luật.

Năm 2023, tỉnh tập trung hoạt động quản lý, quản trị dữ liệu số, tạo lập và khai



Trang thông tin điện tử chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi.

thác dữ liệu để tạo ra các giá trị mới về hiệu suất, hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Theo đó, chỉ tiêu Kế hoạch là:

1. Dữ liệu số

- Ban hành danh mục cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý và kế hoạch, lộ trình cụ thể để xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu trong danh mục.

- Ban hành kế hoạch về dữ liệu mở, bao gồm danh mục dữ liệu mở, công bố dữ liệu mở của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý và mức độ tối thiểu cần đạt được trong từng giai đoạn của kế hoạch; cung cấp lần đầu dữ liệu mở theo kế hoạch.

☞ - Cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (NDXP/LGSP).

- Triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tỉnh, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.

- Triển khai chức năng kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh để người dân, doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- 100% sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai các hoạt động nâng cao năng lực phát triển và quản trị dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan thuộc tỉnh.

- 100% các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học và các trường đào tạo các trình độ cao đẳng, đại học đã tiến hành rà soát các chương trình đào tạo để xem xét bổ sung, lồng ghép nội dung, chuẩn đầu ra về dữ liệu lớn, thiết kế, phân tích, xử lý dữ liệu phù hợp với đặc thù tương ứng của từng ngành, nghề đào tạo.

- 100% các Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh

giá an toàn thông tin và gắn nhãn tín nhiệm mạng.

2. Chính quyền số

- 100% các cơ quan, địa phương triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Tiếp tục hoàn thiện triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trên cơ sở hợp nhất Cổng dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử tỉnh.

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình. 40% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- 30% thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công. 60% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

- 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa. 50% hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến từ xa.

- Triển khai trợ lý ảo phục vụ hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức và phục vụ người dân.

- Trên 30% sở, ban ngành, địa phương triển khai kết nối với hệ thống thông tin của đối tượng quản lý để thu thập dữ liệu trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Trên 10% hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Trên 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.

3. Kinh tế số

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP trên 4%.

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ trên 8,5%.

(Xem tiếp trang 6)

RÚT NGẮN THỜI GIAN GIẢI QUYẾT ĐỐI VỚI DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

✍ NGUYỄN TÚ

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 14/06/2023 về việc phê duyệt và rút ngắn thời gian giải quyết đối với Danh mục dịch vụ công trực tuyến, Danh mục dịch vụ công trực tuyến thí điểm tiếp nhận và trả kết quả hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Theo đó, phê duyệt và rút ngắn thời gian giải quyết đối với Danh mục dịch vụ công trực tuyến cho 973 thủ tục; trong đó dịch vụ công trực tuyến một phần 512 thủ tục, dịch vụ công trực tuyến toàn trình 461 thủ tục và Danh mục dịch vụ công trực tuyến thí điểm tiếp nhận và trả kết quả hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến cho 97 thủ tục; trong đó 85 thủ tục thuộc cấp tỉnh và 12 thủ tục thuộc cấp huyện thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh.

Để tổ chức thực hiện; các sở, ban ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã:

- Theo phạm vi thẩm quyền và chức năng, nhiệm vụ được giao có giải pháp cụ thể, đẩy mạnh công tác phổ



Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Ngãi.

biến, thông tin, tuyên truyền để khuyến khích, thúc đẩy và vận động tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công của bộ ngành và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; có lộ trình và giao chỉ tiêu cụ thể đến từng phòng, đơn vị trực thuộc để tăng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến và tỷ lệ hồ sơ nộp, xử lý trực tuyến của từng cơ quan, địa phương.

- Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công của Bộ, ngành và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trong việc tiếp nhận hồ sơ, xử lý và trả kết quả giải quyết dịch vụ công trực tuyến đúng tiến độ, chất lượng; thực hiện thanh toán trực tuyến các nghĩa vụ tài chính liên quan theo quy định.

- Chủ động, ưu tiên thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết, trả kết quả sớm hơn tối thiểu 20% so với thời hạn giải quyết theo quy định đối với những hồ sơ nộp trực tuyến.

- Thực hiện giảm 50% phí, lệ phí đối với các trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến được quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh và quy định có liên quan.

- Tiếp tục thực hiện việc rà soát, lựa chọn và kiểm thử các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và quản

lý còn lại của cơ quan mình để bổ sung, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Đối với các thủ tục hành chính thực hiện thí điểm tiếp nhận và trả kết quả hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến:

+ Triển khai thực hiện thí điểm tiếp nhận và trả kết quả hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến; trường hợp theo quy định hiện hành phải trả

kết quả giải quyết TTHC bản giấy thì trả kết quả qua dịch vụ bưu chính.

+ Công khai thủ tục hành chính trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức tuyên truyền rộng rãi để tổ chức, công dân biết, hưởng ứng thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc (nếu có) gửi Văn phòng UBND tỉnh cùng với báo cáo về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định.

+ Thời gian thực hiện thí điểm tiếp nhận và trả kết quả hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến từ ngày 15/6/2023 đến ngày 31/12/2023 ■

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM DỮ LIỆU SỐ, TẠO LẬP...

(Tiếp theo trang 4)

- 100% sở, ngành, địa phương ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số thuộc phạm vi quản lý.

- Sở Y Tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai các hoạt động thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục, y tế thuộc phạm vi quản lý.

- Trên 90% doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số. Trên 70% doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng các nền tảng chuyển đổi số.

4. Xã hội số

- Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh trên 80%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng trên 80%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử đạt 50%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân trên 20%.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác trên 90%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến trên 60%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa trên 30%.

- Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử trên 80%.

5. An toàn thông tin và an ninh mạng

- 100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin.

- Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ trên 30%.

- Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản trên 20%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng có sử dụng giải pháp an toàn thông tin mạng cơ bản đạt trên 20% ■

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÂY SẢN BỀN VỮNG TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI

✍ ANH KHUÊ

Với mục tiêu đề xuất được giải pháp khoa học và công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất sản và ổn định độ phì nhiêu đất, Viện Thổ nhưỡng Nông hóa đã thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia “Nghiên cứu đề xuất các giải pháp khoa học công nghệ phát triển sản bền vững tại Quảng Ngãi và vùng phụ cận”

Tỉnh Quảng Ngãi là tỉnh nằm trong năm vùng trọng điểm trồng sản của nước ta với diện tích hàng năm dao động từ 16-17 nghìn ha, sản được coi là cây xóa đói giảm nghèo cho các vùng đồng bào dân tộc miền núi, cây hàng hóa ở vùng miền xuôi, phân bố ở hầu khắp các huyện trong tỉnh, trải dài từ các huyện vùng núi, xuống vùng trung du và đến các huyện vùng đồng bằng ven biển. Với năng suất trung bình 19,4 tấn/ha, sản lượng hàng năm khoảng trên 300 nghìn tấn phục vụ cho các nhà máy chế biến tinh bột xuất khẩu.

Mặc dù trong những năm gần đây được sự quan tâm của các cơ quan ban ngành của tỉnh năng suất sản của tỉnh đã được cải thiện, tuy nhiên so với các tỉnh khác thì năng suất sản trung bình của tỉnh Quảng Ngãi vẫn còn ở mức trung bình thấp và không đồng đều giữa các vùng trong tỉnh do nhiều nguyên nhân khác nhau, ở các tỉnh miền núi năng suất thường thấp hơn so với các tỉnh trung du và đồng bằng.

Xuất phát từ những vấn đề trên, Viện Thổ nhưỡng Nông hóa đã thực hiện nhiệm vụ



Mô hình canh tác tổng hợp cho phát triển cây sản bền vững tại miền trung du xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

KH&CN cấp quốc gia nhằm nghiên cứu xác định nguyên nhân suy giảm năng suất, chất lượng sản và đề xuất giải pháp khoa học, công nghệ phát triển sản bền vững tại Quảng Ngãi và vùng phụ cận.

Để xác định các yếu tố hạn chế chính làm suy giảm năng suất, chất lượng sản ở Quảng Ngãi và vùng phụ cận, đề tài đã tiến hành lấy 400 mẫu đất trồng sản tại Quảng Ngãi (trong đó 150 mẫu ở huyện Ba Tơ, 150 mẫu ở huyện Mộ Đức và 100 mẫu ở huyện Sơn Tịnh) và phân tích các tiêu lý hóa đất; điều tra hộ nông dân xác định các yếu tố hạn chế về kỹ thuật canh tác; điều tra, đánh giá ảnh hưởng của các loại sâu, bệnh hại trên cây sản tại 270 hộ thuộc 03 huyện, lấy

240 mẫu thân, lá, củ, dịch hại và 45 mẫu đất để phân tích và giám định tác nhân gây bệnh; điều tra về ảnh hưởng của bệnh khảm lá sản đến năng suất sản tại Quảng Ngãi và vùng phụ cận (huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam và huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định). Qua kết quả điều tra và đánh giá, đề tài đã xác định 03 nguyên nhân chính làm suy giảm năng suất, chất lượng sản của tỉnh Quảng Ngãi và vùng phụ cận bao gồm: (1) Giống bị nhiễm bệnh khảm lá lây từ vụ trước sau vụ sau là nguyên nhân chính ở giai đoạn hiện nay dẫn đến năng suất sản bị giảm mạnh trong ba năm trở lại đây. Năng suất giảm do bệnh khảm lá tùy theo mức độ cây bị nhiễm

bệnh và điều kiện chăm sóc kết quả điều tra ước tính bệnh khảm lá sắn đã làm giảm năng suất sắn từ 16,1%-27,8% năng suất và hàm lượng tinh bột trong củ; (2) Bón phân không đủ và không cân đối là nguyên nhân thứ hai dẫn đến năng suất sắn của tỉnh Quảng Ngãi thấp và không đồng đều giữa các vùng trồng. Tùy theo mức độ đầu tư mà năng suất đạt được là khác nhau. Kết quả điều tra cho thấy năng suất chênh lệch năng suất giữa các nhóm hộ đầu tư phân bón thấp năng suất bằng 41,6% -54,3% năng suất của những hộ đầu tư phân bón ở mức cao; (3) Độ phì đất thấp là nguyên nhân nội tại của vùng, kết quả điều tra cho thấy đất trồng sắn chua, nghèo hữu cơ, hàm lượng các chất dinh dưỡng trong đất đều thấp. Lượng các chất dinh dưỡng đa lượng có trong đất chỉ cung cấp được 29,0-40,0% đạm, 28,2-35,6% lân và kali 17,4-22,0% so với nhu cầu của cây sắn.

Từ kết quả nghiên cứu trên, đề tài xây dựng mô hình canh tác tổng hợp cho phát triển cây sắn bền vững tại tỉnh Quảng Ngãi và vùng phụ cận với diện tích 23,2 ha; trong đó mô hình canh tác cây sắn tổng hợp được triển khai với diện tích 13,2 ha tại 03 vùng sinh thái khác nhau, gồm xã Ba Vì, huyện Ba Tơ (3 ha); xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh (5 ha); xã Đức Phong, huyện Mộ Đức (5,2 ha); tại huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, mô hình triển khai với diện tích 5



Cán bộ của đề tài kiểm tra tình hình sinh trưởng của cây sắn tại mô hình.

ha và tại huyện huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định mô hình triển khai với diện tích 5 ha. Mô hình áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật bao gồm: sử dụng các giống sạch bệnh, các giống có tính kháng bệnh khảm lá (KM94, HL-S14, HN5), trồng xen cây lạc ở giai đoạn thời kỳ đầu cây sắn chưa khép tán, áp dụng công thức phân bón chuyên dùng cho cây sắn ở mỗi tiểu vùng sinh thái (đồi núi, trung du và đồng bằng) kết hợp với phân hữu cơ, vùi phế phụ phẩm cây trồng xen và các biện pháp bảo vệ thực vật...

Kết quả qua 2 vụ sản xuất cho thấy: Tại huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi năng suất của giống KM94 sạch bệnh đạt 28,7-29,6 tấn/ha; giống HL-S12 đạt 28,5 tấn/ha và

giống HL-S14 đạt 29,5 tấn/ha. Năng suất lạc trồng xen đạt từ 683,3 - 743,7 kg/ha; khối lượng chất xanh từ thân lá lạc đạt từ 1,03 - 1,42 tấn/ha; Ở huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi năng suất giống KM94 sạch bệnh: 34,2 tấn/ha; giống HL-S12: 29,9 tấn/ha và giống HL-S14: 29,8 tấn/ha. Năng suất lạc trồng xen đạt từ 862,5 kg - 975,7 kg/ha; khối lượng chất xanh từ thân lá lạc đạt từ 1,37-1,56 tấn/ha; Ở huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi năng suất các giống cũng đạt khá cao, KM94 sạch bệnh: 33,5 tấn/ha; giống KM140: 28,5 tấn/ha; giống HL-S12: 28,7 tấn/ha và giống HL-S14: 28,5 tấn/ha. Năng suất lạc trồng xen đạt 815,6 kg - 977,8 kg/ha; khối lượng chất xanh

từ thân lá lạc đạt 1,24-1,56 tấn tươi/ha. Trồng xen lạc với sắn cho năng suất lạc dao động từ 0,72-0,81 tấn/ha và đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với trồng sắn thuần, lợi nhuận từ cây trồng xen đạt từ 5,2 – 9,6 triệu đồng/ha góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích; Tại huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, áp dụng công thức phân bón chuyên dùng cho cây sắn giống KM94, giống HLS14 sạch bệnh và giống HN5 cho năng suất tăng từ 22,7-30,9% so với mức phân bón của nông dân và tăng từ 9,5% - 16,8% so với mức phân bón của khuyến nông khuyến cáo. Sản lượng tinh bột đạt của các giống trong mô hình lần lượt đạt 8,66 tấn/ha, 8,01 tấn/ha và 7,32 tấn/ha cao hơn cao hơn so với mức phân bón của nông dân từ 27,7%-51,1%. Hiệu quả kinh tế của cây sắn khi áp dụng công thức phân bón chuyên dùng đạt 30,8 triệu đồng đối với giống KM94 và 25,62 triệu đồng/ha đối với giống HL-S14, cao hơn từ 17,64 triệu và 12,46 triệu đồng/ha so với mức phân bón của nông dân. Trồng xen lạc với sắn đem lại hiệu quả kinh tế cao từ 5,23-7,03 triệu đồng/ha; Tại huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định, giống KM94 và HL-S14 sạch bệnh và giống HN5 cho năng suất tăng từ 25,4-38,3% so với mức phân bón của nông dân. Hàm lượng tinh bột đã đạt từ 28,1-28,5% ngoại trừ giống HN5 do đặc tính của giống. Sản lượng tinh bột đạt

8,46-9,46 tấn/ha. Giống HN5 mặc dù có hàm lượng tinh bột thấp nhưng sản lượng tinh bột cũng đạt 7,68 tấn/ha cao hơn so với mức phân bón của nông dân 26,9%. Hiệu quả kinh tế đạt 29,64-38,01 triệu đồng/ha. Trồng xen lạc với sắn đem lại hiệu quả kinh tế từ 10,82-11,5 triệu đồng/ha.

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, đề tài đã đề xuất các giải pháp khoa học công nghệ hạn chế suy giảm năng suất và phát triển bền vững cây sắn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và vùng phụ cận bao gồm: Giống sạch bệnh là yếu tố tiên quyết để duy trì năng suất sắn, 02 giống có tiềm năng năng suất bao gồm KM94 sạch bệnh và HL-S14 sạch bệnh có thể cho năng suất từ 28-33 tấn/ha, hàm lượng tinh bột đều đạt trên 28% tùy theo mức phân bón đầu tư. Bên cạnh đó, 02 giống HN1 và HN5 có triển vọng để đưa vào thay thế trong sản xuất, năng suất đạt từ 26,0-34,7 tấn/ha, hàm lượng tinh bột đạt 24,5-27,5%; Để có được năng suất sắn cao lượng phân bón trên 1 ha cho cây sắn trồng ở vùng miền núi: 120kg N + 65kg P₂O₅ + 105kg K₂O chia làm 3 lần bón với tỷ lệ bón ở các lần như sau: bón lót tỷ lệ N:P:K là 2:1,5:1; bón thúc lần 1 tỷ lệ N:P:K là 2:1:2 và bón thúc lần 2 tỷ lệ N:P:K là 2:1:3. Lượng bón cho cây sắn vùng trung du: 115kg N + 62kg P₂O₅ + 117,0kg K₂O, chia làm 3 lần bón với tỷ lệ bón ở các lần như sau: bón lót tỷ lệ

N:P:K là 1:1:1; bón thúc lần 1 tỷ lệ N:P:K là 2:1:2 và bón thúc lần 2: tỷ lệ N:P:K là 3:1:4. Lượng bón cho cây sắn vùng trung du: 122kg N + 65kg P₂O₅ + 124,0kg K₂O, chia làm 3 lần bón với tỷ lệ bón ở các lần như sau: bón lót tỷ lệ N:P:K là 1:1:1; bón thúc lần 1 tỷ lệ N:P:K là 2:1:2 và bón thúc lần 2 tỷ lệ N:P:K là 4:1:4; đồng thời kết hợp với phân hữu cơ vi sinh với lượng bón từ 3-5 tấn/ha tùy theo điều kiện của từng vùng và hộ sản xuất. Nhằm duy trì và nâng cao độ phì nhiêu đất trồng sắn trên các vùng sinh thái, hàng năm cần bón phân hữu cơ với lượng ít nhất là 3 tấn phân hữu cơ vi sinh kết hợp với trồng xen cây họ đậu để tận dụng nguồn thân lá vùi lại cho đất; Các giải pháp bảo vệ thực vật cần phải được quan tâm, trong đó hạn chế cỏ dại nên dùng loại thuốc Combrase 24EC đối với cỏ hòa thảo; thuốc Fuquy 150EC đối cỏ lá rộng. Để hạn chế tác hại của bộ phận trắng gây bệnh khảm lá sắn trên đồng nên sử dụng các loại thuốc Imida 20sl và thuốc Actara 25WP được xem là có hiệu lực phòng trừ cao trên đồng ruộng. Đối với nhẹ đổ hại sắn cần sử dụng các loại thuốc Kyodo 25SC hoặc Ortus 5SC để phun khi mật độ nhẹ đổ xuất hiện đến ngưỡng gây hại. Để hạn chế bệnh thối củ sắn cần sử dụng các chế phẩm sinh học Trico DHCT với liều dùng 50 kg/ha và SH-BV1 (SH-Lifu) với liều dùng 300 kg/ha ■

Ứng dụng kỹ thuật mới trong sản xuất Bưởi da xanh và Chuối mốc theo hướng hàng hóa đạt tiêu chuẩn VietGAP tại huyện miền núi Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi

✍ THANH MINH

Huyện Sơn Tây có điều kiện tự nhiên phù hợp để chuyển đổi trồng cây ăn quả với nhiệt độ bình quân năm 25°C, tổng lượng mưa bình quân năm khá lớn, tổng số ngày mưa nhiều, độ ẩm tương đối trung bình năm tương đối cao nên thích hợp cho sinh trưởng và phát triển của nhiều loại cây trồng, đặc biệt là cây ăn quả nói chung và cây chuối, cây bưởi nói riêng. Hơn nữa, khí hậu còn có ưu thế nổi bật so với một số vùng khác trong tỉnh là biên độ nhiệt độ ngày đêm và giữa các tháng chênh lệch lớn làm cho quả bưởi có chất lượng tốt, thể hiện đặc trưng của giống. Các nhóm đất chính ở đây thích hợp cho sinh trưởng và phát triển của nhiều loại cây ăn quả. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Sơn Tây triển khai thực hiện dự án: “Ứng dụng kỹ thuật mới trong sản xuất Bưởi da xanh và Chuối mốc theo hướng hàng hóa tại huyện miền núi Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi” để giúp người dân tiếp nhận kỹ thuật sản xuất mới, thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp và tăng hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích.

Nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và góp phần thúc đẩy tiến trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp của huyện, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Sơn Tây đã ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng thành công các mô hình sản xuất cây bưởi da xanh và cây chuối mốc đạt tiêu chuẩn VietGAP.



Vườn chuối sau trồng 10 tháng tại xã Sơn Liên (Sơn Tây).

Mục tiêu chung của dự án là xây dựng thành công các mô hình sản xuất cây Bưởi da xanh và cây Chuối mốc đạt tiêu chuẩn VietGAP trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong canh tác nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và góp phần thúc đẩy tiến trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp của huyện.

Từ mục tiêu đặt ra, dự án tiến hành khảo sát phân tích mẫu đất, lấy mẫu, nước, phân tích mẫu đất và nước

để chọn địa điểm triển khai các mô hình trồng, thâm canh Bưởi da xanh và Chuối mốc. Kết quả khảo sát, phân tích mẫu đất, mẫu nước cho thấy điều kiện thổ nhưỡng, thủy văn của vùng dự án đủ điều kiện để triển khai thực hiện các mô hình canh tác nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP. Trong các mẫu đất, nước đều không phát hiện các kim loại nặng như: Chì (Pb), Asen (As), Kẽm (Zn) và Thủy ngân; không có các sinh vật gây hại như: ☞

E.coli và Salmonella; pH trong đất và nước đều ở mức trung tính biến động trong khoảng 6,49 – 7,13. Riêng hàm lượng hữu cơ, hàm lượng dinh dưỡng (NPK) trong đất tương đối thấp cần được bổ sung dinh dưỡng thường xuyên trong quá trình thực hiện mô hình.

Trên cơ sở kết quả khảo sát, phân tích mẫu đất, mẫu nước đã lựa chọn được 05 hộ/07ha tham gia mô hình trồng mới Bưởi da xanh; 07 hộ/03 ha tham gia mô hình thâm canh Bưởi da xanh, các vườn thâm canh có độ tuổi từ 4 đến 8 tuổi; 03 hộ/05 ha tham gia mô hình trồng Chuối mốc. Đồng thời, vận động, hướng dẫn các hộ dân tham gia mô hình thành lập được 03 tổ hợp tác, gồm: Tổ hợp tác sản xuất Chuối mốc xã Sơn Liên, Tổ hợp tác sản xuất Bưởi da xanh xã Sơn Liên, Tổ hợp tác sản xuất Bưởi da xanh xã Sơn Bua. Hơn 3 năm thực hiện mô hình hợp tác, các sản phẩm Chuối mốc và Bưởi da xanh của 03 tổ hợp tác sản xuất đã được Công ty TNHH Tư vấn Chứng nhận và Công bố Chất lượng VITEST tổ chức đánh giá và cấp chứng chỉ sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP; sản phẩm của các mô hình đã được Doanh nghiệp tư nhân Tài Nguyên chủ động thu mua và phân phối bởi các điều khoản cam kết tại hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ, các thành

viên của các tổ hợp tác có thu nhập khá ổn định.

Dự án đã chuyển giao thành công 08 hướng kỹ thuật sản xuất mới cho cán bộ kỹ thuật của đơn vị chuyển giao; cán bộ khuyến nông xã, thôn và nhiều hộ dân trong, ngoài vùng dự án, gồm: Hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc Bưởi da xanh theo tiêu chuẩn VietGAP, hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc Chuối mốc theo tiêu chuẩn VietGAP, hướng dẫn kỹ



Vườn bưởi hộ dân tham gia dự án.

thuật quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) đối với cây Bưởi da xanh, hướng dẫn kỹ thuật quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) đối với cây Chuối mốc, hướng dẫn kỹ thuật tưới nước tiết kiệm cho Bưởi da xanh theo phương pháp Minipan, hướng dẫn kỹ thuật bón phân cho Bưởi da xanh qua hệ thống tưới phun mưa, hướng dẫn kỹ thuật thu hái, sơ chế và bảo quản Chuối mốc, hướng dẫn kỹ thuật chế biến Chuối mốc bằng phương pháp sấy dẻo.

Dự án đã xây dựng mô hình trồng mới Bưởi da xanh theo tiêu chuẩn VietGAP được xây dựng tại xã Sơn Bua và xã Sơn Liên với diện tích 07 ha (Sơn Liên 5ha, Sơn Bua 2 ha) gồm 07 hộ tham gia. Sau 42 tháng trồng, cây Bưởi da xanh tại các vườn mô hình đều có tỷ lệ sống cao 87,9 – 98,8%; cây sinh trưởng phát triển khá tốt: chiều cao cây biến động trong khoảng 2,59m đến 3,61m, trung bình đạt 3,11m; đường kính tán biến

động từ 2,54-3,51m, trung bình đạt 3,15m và đường kính góc biến động từ 7,66-9,05cm, trung bình đạt 8,49cm. Sau 27 tháng trồng, một số cây bưởi tại các vườn đã bắt đầu ra hoa, tỷ lệ cây ra hoa trung bình đạt 2,88%; sau 39 tháng trồng tỷ lệ cây ra hoa trung bình đạt 44,08%, dự kiến năng suất đạt trên 2 tấn/ha.

Mô hình thâm canh Bưởi da xanh theo tiêu chuẩn VietGAP được triển khai tại xã Sơn Bua gồm 07 hộ tham

gia với quy mô 03 ha. Các vườn bưởi được chọn tham gia mô hình có độ tuổi từ 04 đến 8 năm tuổi, sau 03 năm chăm sóc theo tiêu chuẩn VietGap, cây Bưởi da xanh thuộc các vườn mô hình đã sinh trưởng phát triển tốt: Chiều cao cây trung bình 1,61m; đường kính tán trung bình tăng 1,34m; đường kính gốc trung bình tăng 6,3 cm. Đối với các vườn bưởi 09 tuổi, sau 03 năm chăm sóc theo tiêu chuẩn VietGap năng suất bình quân đạt 08 tấn/ha.

Qua phân tích hiệu quả kinh tế của các vườn bưởi mô hình thâm canh cho thấy bình quân mỗi ha bưởi trong thời kỳ kinh doanh cho lợi nhuận thuần bình quân hơn 54 triệu đồng/ha/năm; thu nhập bình quân hơn 82 triệu đồng/ha/năm, cao hơn so với ngoài mô hình bình quân 36,7 triệu đồng/ha/năm; tỷ suất lãi so với vốn đầu tư bình quân là 54,33% cao hơn so với ngoài mô hình 11,38%.

Mô hình thâm canh Chuối mốc theo tiêu chuẩn VietGAP với diện tích 5ha tại xã Sơn Liên, gồm 03 hộ dân tham gia. Loại giống được sử dụng trong mô hình là giống Chuối mốc nuôi cấy mô, đây là lần đầu tiên người nông dân của huyện được tiếp cận với loại giống này, nên còn nhiều nghi ngại khi quyết định tham gia mô hình. Hiểu được tâm lý đó,

các cán bộ kỹ thuật của cơ quan chủ trì, đơn vị hỗ trợ ứng dụng và cán bộ khuyến nông xã đã tập trung hướng dẫn người nông dân thực hiện đúng các kỹ thuật canh tác. Kết quả trong năm đầu tiên cây chuối sinh trưởng phát triển khá nhanh, sau 12 tháng trồng, chiều cao thân giả biến động trong khoảng từ 3,15m đến 3,62m, trung bình đạt 3,43m; đường kính gốc biến động từ 27,6cm đến 33,3cm trung bình đạt 30,1cm; số cây trưởng thành/khóm biến động 1,14 cây/khóm đến 1,27 cây/khóm, trung bình đạt 1,22 cây/khóm. Từ năm thứ 02 trở đi, chiều cao thân giả, đường kính gốc có tăng so với năm đầu tiên nhưng

thuật đã hướng dẫn người dân chặt tía, giữ ổn định số cây trưởng thành/khóm từ 1,8 - 02 cây.

Sau trồng 14-15 tháng các vườn mô hình đều đã cho thu hoạch lứa quả đầu tiên. Năm thứ nhất, năng suất trung bình trong mô hình cao hơn so với các vườn ngoài mô hình 9,51 tấn/ha; từ năm thứ hai và năm thứ 3 năng suất trong mô hình tăng từ 30,11 – 32,76% so với năm thứ nhất, cao hơn so với ngoài mô hình từ 15,35 – 17,06 tấn/ha. Tổng giá trị kinh tế gia tăng trong chu kỳ dự án (03 năm) mỗi ha mô hình thâm canh Chuối mốc theo tiêu chuẩn VietGAP cho lợi nhuận bình quân 194,61 triệu đồng/ha



Mô hình Chuối của dự án đã cho thu hoạch.

không đáng kể; số cây trưởng thành/khóm sau 24 tháng trồng tăng trung bình 40,98% so với năm thứ nhất và tăng dần trong những năm tiếp theo; tuy nhiên, để đảm bảo mật độ, năng suất và chất lượng quả, cán bộ kỹ

và cao hơn so với ngoài mô hình là 100,43 triệu đồng/ha; tỷ suất lãi so với vốn đầu tư đạt 68,52%, cao hơn ngoài mô hình 5,2%. Từ năm thứ 2, mô hình đã được nhân rộng trên địa bàn các xã Sơn Liên, Sơn Mùa, Sơn



Kiểm tra thử nghiệm máy sấy chuối dẻo hộ gia đình.

Bua, huyện Sơn Tây và xã ĐắkNên, huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum với tổng diện tích nhân rộng trên 30ha.

Qua triển khai mô hình máy sấy chuối dẻo hộ gia đình, dự án đã bàn giao 01 máy sấy chuối dẻo cho Tổ sản xuất Chuối mốc xã Sơn Liên, công suất sấy 200kg/mẻ và đã chuyển giao quy trình sấy chuối dẻo cho kỹ thuật viên cơ sở và Tổ sản xuất Chuối mốc Sơn Liên. Thực tế cho thấy, mô hình chế biến chuối sấy dẻo quy mô hộ gia đình là mô hình phù hợp với điều kiện sản xuất hiện nay của người nông dân trồng chuối trên địa bàn huyện Sơn Tây, mô hình giúp người nông dân có thêm phương án chủ động tiêu thụ và chế biến các sản phẩm từ chuối, gia tăng giá trị sản xuất, tăng thu nhập cho người dân. Hiệu quả kinh tế của mô hình cho 01 mẻ 200kg chuối tươi, thời gian sấy 24,07h/mẻ và tỷ lệ thành phẩm 28,97 % nguyên

liệu thì tổng chi phí đầu vào 2.616.340 đồng, tổng thu đầu ra 2.779.200 đồng (giá bán 48.000 đồng/kg), lợi nhuận thuần đạt 162.860 đồng, nếu người dân lấy công làm lãi thì đạt 687.860 đồng/mẻ 200kg nguyên liệu.



Sản phẩm bưởi và chuối mốc của dự án được giới thiệu, trưng bày sản phẩm tại hội nghị triển khai công nghệ chuyển đổi số trong nông nghiệp.

Hiện Tổ hợp tác đã ký hợp đồng liên kết với Hợp tác xã sản xuất nông lâm nghiệp và thương mại dịch vụ Sơn Bua để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chuối sấy dẻo.

Để marketing các sản phẩm của dự án, Tổ sản xuất Chuối mốc Sơn Liên và Tổ

sản xuất Bưởi da xanh Sơn Liên đã tham gia cùng Hợp tác xã Nông nghiệp và dịch vụ Sơn Liên quảng bá sản phẩm Chuối mốc và Bưởi da xanh Sơn Tây ở 02 hội chợ giới thiệu hàng nông sản với nhân dân trong và ngoài tỉnh.

Kết quả của dự án cho thấy hiệu quả sản xuất Bưởi da xanh và Chuối mốc theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã Sơn Liên và Sơn Bua khi ứng dụng đồng bộ các giải pháp về khoa học công nghệ, đồng thời tổ chức liên kết với doanh nghiệp theo tiêu chuẩn chế biến, bảo quản phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu làm thay đổi nhận thức của người nông

dân trong canh tác, cho sản phẩm đầu ra được ổn định, chuyển tư duy từ làm nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hoá; từ đó góp phần thúc đẩy tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện nói riêng và tỉnh Quảng Ngãi nói chung■

SẢN XUẤT LÚA GIỐNG XÁC NHẬN VÀ GẠO CHẤT LƯỢNG CAO ĐẠT TIÊU CHUẨN VIETGAP

✍ PHƯƠNG NGUYỄN



Mô hình liên kết bền vững trong sản xuất lúa giống xác nhận và gạo chất lượng cao đạt tiêu chuẩn VietGAP.

“Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết bền vững trong sản xuất lúa giống xác nhận và gạo chất lượng cao đạt tiêu chuẩn VietGAP tại tỉnh Quảng Ngãi” là dự án thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý, Công ty TNHH nông lâm nghiệp TBT là đơn vị chủ trì thực hiện trong thời gian 36 tháng và bước đầu đã mang lại kết quả, góp phần nâng cao thu nhập cho doanh nghiệp và người dân trong vùng dự án.

Mô hình liên kết sản xuất lúa giống cấp xác nhận

Mô hình được thực hiện tại 5 xã, phường, gồm: xã Đức Phú, Đức Nhuận, Đức Hoà, thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức và xã Phổ Văn, thị xã Đức Phổ trên diện tích 800ha. Kết quả qua 4 vụ triển khai, năng suất bình quân/4 vụ đạt 6,8 tấn/ha, cao hơn mục tiêu dự án

0,8 tấn/ha. Sản lượng hạt giống đạt 5.440 tấn, vượt sản lượng 640 tấn. Tổng thu mua hạt giống lúa tươi tại ruộng 5.415,6 tấn, phơi sấy chế biến thành phẩm đạt cấp giống xác nhận 1 là 4.019 tấn (trong đó, giống Bắc Thịnh 3.102 tấn và giống KD28 là 917 tấn). Công ty TBT ký kết Hợp đồng liên kết ngay từ đầu vụ, cơ chế thu mua 01 kg lúa giống tươi

cấp xác nhận bằng 01 kg lúa thối trên thị trường theo thời điểm, cộng thêm 150-200 đồng/kg và thực tế qua 4 vụ thu mua giá lúa bình quân Công ty thanh toán cho các hộ là 01 kg lúa giống tươi tại ruộng là 6.700 đồng/kg. Để đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng hạt giống công bố theo Qui chuẩn QCVN01:54/BNNPTNT, Công ty TBT và Ban quản lý dự án thực

Hiện kiểm soát chất lượng theo qui định tại Thông tư số 46/2015/BNNPTNT về chứng nhận hợp qui giống cây trồng mới. Cán bộ kỹ thuật trực tiếp theo dõi chỉ đạo, chăm sóc khử lần theo qui trình. Cán bộ kiểm định đồng ruộng (được Cục Trồng trọt - Bộ NN&PTNT chỉ định) thực hiện công tác kiểm định ruộng giống đạt yêu cầu tiến hành thu hoạch. Khi hạt giống về kho sơ chế đóng gói KCS lấy mẫu theo lô từng điểm sản xuất và gửi mẫu đến Trung tâm Kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng miền Trung để kiểm tra. Kết quả các lô giống đều đạt chất lượng giống cấp xác nhận 1 theo QCVN 01:54/2011/BNNPTNT.

Mô hình liên kết sản xuất lúa gạo thương phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP

Được triển khai trên diện tích 320ha/4 vụ tại xã Đức Phú và xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức. Qua 4 vụ mô hình sản xuất, năng suất bình quân

môn hình đạt 6,71 tấn/ha, cao hơn mục tiêu dự án đặt ra 0,71 tấn/ha. Sản lượng lúa thương phẩm đạt chất lượng lúa VietGAP là 2.148,6 tấn, vượt mục tiêu dự án đặt ra 228 tấn. Tổng sản lượng lúa ăn Công ty TBT thu mua tươi đạt 1.946,4 tấn, sau khi phơi sấy sơ chế đạt 1.595 tấn (trong đó, có 1.398 tấn lúa ăn Bắc Thịnh và 197 tấn lúa ăn KD28), với giá thỏa thuận 01 kg lúa tươi VietGAP tại ruộng bằng 01 kg lúa khô trên thị trường theo thời điểm từng mùa vụ và thực tế giá lúa trong 4 vụ công ty thu mua cho bà con nông dân bình quân là 6.300 đồng/kg.

Về chất lượng lúa gạo VietGAP: Cả 4 vụ sản xuất đều được Trung tâm Chất lượng Nông lâm thủy sản Vùng 2 kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ hoạt động sản xuất Qui trình và theo tiêu chuẩn VietGAP tại các địa điểm mô hình, lấy mẫu sản phẩm phân tích các chỉ

tiêu về thuốc bảo vệ thực vật (79 hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật) và kim loại nặng, kết quả các lô sản phẩm đều đạt và phù hợp theo tiêu chuẩn quy định. Từ kết quả đó, vùng sản xuất lúa VietGAP đã được cấp Giấy chứng nhận vùng sản xuất đạt tiêu chuẩn lúa VietGAP. Hiện nay, dự án đã kết thúc nhưng 80 ha vùng sản xuất lúa VietGAP công ty vẫn tiếp tục sản xuất và tiếp tục ký hợp đồng với Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản Vùng 2 để giám sát, kiểm tra hàng năm, tiếp tục duy trì hiệu lực Giấy chứng nhận VietGAP.

Khi tham gia mô hình liên kết sản xuất với Công ty, người dân không chỉ được hướng dẫn gieo trồng, chăm sóc suốt vụ; được hỗ trợ ứng hạt giống đầu vụ; mà quan trọng hơn là được bao tiêu sản phẩm ổn định với lợi nhuận tăng so với đại trà từ 9,7-13,3 triệu đồng/ha. Toàn dự án 1.120 ha lợi nhuận tăng 13,72 tỷ đồng, đã góp phần tăng thu nhập và gia tăng hiệu quả sản xuất lúa đối với bà con nông dân.

Mô hình chế biến, đóng gói gạo VietGAP

Để tạo chuỗi khép kín trong qui trình SX lúa gạo VietGAP đạt tiêu chuẩn; tháng 10/2021, cơ quan chủ trì và BQL dự án đã tiến hành khảo sát, lắp đặt máy xay xát, đóng gói sản phẩm và ký kết Hợp đồng với



Mô hình liên kết sản xuất lúa gạo thương phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP tại huyện Mộ Đức.



Hội nghị đầu bờ mô hình lúa giống cấp xác nhận và sản xuất lúa gạo thương phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP.

Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản Vùng 2 tiến hành triển khai xây dựng hệ thống tài liệu, thủ tục kiểm soát và tổ chức đánh giá qui trình xay xát, đóng gói, bảo quản gạo VietGAP theo tiêu chuẩn HACCP CODEX 2020. Sau một năm thực hiện công ty đã được cấp giấy chứng nhận HACCP cho sản phẩm gạo VietGAP do dự án sản xuất.

Hệ thống chế biến, đóng gói gạo VietGAP, gồm 2 phần là máy xay xát gạo công suất 01 tấn/giờ và máy đóng gói hút chân không 10 túi/lần, đáp ứng được yêu cầu đặt ra của dự án, đáp ứng nhu cầu thị trường và người tiêu dùng đánh giá cao chất lượng sản phẩm của công ty. Đồng thời, mô hình chế biến, đóng gói gạo VietGAP đã giúp công ty chủ động hoàn toàn phục vụ khách hàng.

Với sản lượng 1.595 tấn lúa VietGAP và vận hành qua máy gạo dự án lắp đặt

đạt tỷ lệ xay xát 65% (10% tấm) dự án đã sản xuất ra 1.036 tấn gạo sạch đạt tiêu chuẩn VietGAP. Tuy nhiên, tính đến Quý 1/2023, gạo VietGAP công ty đã xay xát và đóng gói xuất bán ra thị trường đạt 215 tấn gạo VietGAP cung cấp cho các đại lý, trường học trong tỉnh.

Phát huy từ hiệu quả liên kết, năm 2023 Công ty TNHH nông lâm nghiệp TBT tiếp tục duy trì ổn định vùng nguyên liệu sản xuất giống trong vùng dự án. Mở rộng đầu tư liên kết với xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xây dựng 01 hệ thống lò sấy và sàng phân loại đóng gói hạt giống công suất 25 tấn/ngày; đầu tư mô hình liên kết sản xuất giống Bắc Thịnh, KD28 tại Cát Tài, Cát Thành 60ha; thu mua 430 tấn lúa tươi, sơ chế đóng gói thành phẩm 320 tấn đạt tiêu chuẩn giống xác nhận.

Đối với vùng sản xuất lúa VietGAP, Công ty tiếp

tục duy trì sản xuất lúa chất lượng đạt tiêu chuẩn lúa gạo VietGAP 80 ha. Tuy nhiên, để duy trì qui trình sản xuất lúa an toàn, vụ Đông xuân 2022-2023, Công ty đã chuyển đổi thử nghiệm 8 ha tại HTX Phước Hoà, xã Đức Phú sang gieo trồng lúa tím, lúa đỏ thảo dược và 2 ha chuyển đổi sản xuất lúa hữu cơ chế biến bánh tráng, rượu và gạo lứt thương hiệu Ấn Trà.

Năm 2022, công ty đã đăng ký và bảo vệ thành công thương hiệu gạo Ấn Trà gồm gạo trắng Ấn Trà và gạo lứt Ấn Trà đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao và tháng 3/2023 nâng cấp OCOP 4 sao; tiếp tục đầu tư chế biến sản phẩm gạo VietGAP sản xuất Rượu lứt Ấn Trà và đang đăng ký công nhận SP OCOP. Từ những kết quả này, sản phẩm gạo của Công ty TBT đã được khách hàng đón nhận, các đơn vị trong và ngoài tỉnh đã ký hợp đồng đại lý tiêu thụ ■

NGHIÊN CỨU CHẨN ĐOÁN BIẾN CHỨNG THẬN BẰNG MICROALBUMIN NIỆU TRÊN BỆNH NHÂN ĐÁI THÁO ĐƯỜNG TÍP 2 ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NGÃI

✍ MINH PHƯƠNG

Bệnh đái tháo đường (ĐTĐ) là bệnh rối loạn chuyển hóa gây nên nhiều biến chứng nguy hiểm, trong đó biến chứng thận là một trong những biến chứng vi mạch thường gặp và cũng là nguyên nhân gây suy thận mạn của bệnh nhân ĐTĐ. Microalbumin niệu (MAU) là dấu hiệu sớm của tổn thương vi mạch cầu thận. Tại các nước phát triển xét nghiệm này được thực hiện định kỳ hàng năm nhằm phát hiện tổn thương thận sớm ở bệnh nhân ĐTĐ. Ở Việt Nam đã có một số công trình nghiên cứu xét nghiệm MAU trong chẩn đoán biến chứng thận do ĐTĐ, các nghiên cứu này đều nhận định MAU là yếu tố đánh giá và theo dõi tình trạng biến chứng thận ở bệnh nhân ĐTĐ, tuy nhiên hầu hết mẫu bệnh phẩm nước tiểu trong các nghiên cứu là nước tiểu 24 giờ, phụ thuộc nhiều vào việc tuân thủ lấy mẫu của bệnh nhân và việc sử dụng chất bảo quản cũng như sự phiền hà, khó khăn nhất định trong lấy mẫu.

Tại Bệnh viện đa khoa

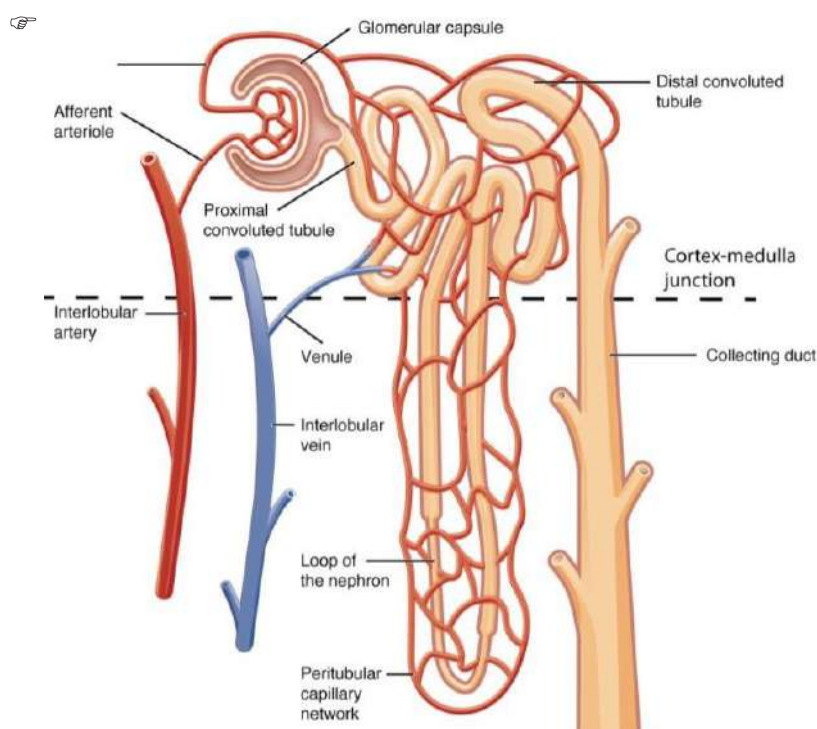
Tiền lượng CKD bằng phân loại Microalbumin niệu và GFR				Phân loại Microalbumin niệu Mô tả và khoảng giá trị		
				A1	A2	A3
				Bình thường đến tăng nhẹ < 30 mg/g < 3 mg/mmol	Tăng vừa 30-299 mg/g 3-29 mg/mmol	Tăng nặng ≥ 300 mg/g ≥ 30 mg/mmol
Phân loại GFR (ml/phút/1,73m ²) Mô tả và khoảng giá trị	G1	Bình thường hay cao	≥ 90			
	G2	Giảm nhẹ	60-90			
	G3a	Giảm nhẹ đến vừa	45-59			
	G3b	Giảm vừa đến nặng	30-44			
	G4	Giảm nặng	15-29			
	G5	Suy thận	< 15			

Tiền lượng của suy thận mạn dựa trên GFR (chỉ số độ lọc cầu thận) và chỉ số MAU

(BVĐK) tỉnh Quảng Ngãi, MAU được thực hiện chủ yếu trên mẫu nước tiểu ngẫu nhiên vì sự tiện lợi trong việc lấy mẫu. Tuy nhiên, trong thực hành lâm sàng, việc thực hiện xét nghiệm MAU để phát hiện sớm tổn thương thận trên bệnh nhân ĐTĐ vẫn chưa được quan tâm đúng mực nên MAU chưa trở thành một xét nghiệm phổ biến. Để đánh giá các vấn đề, BVĐK tỉnh Quảng Ngãi thực hiện đề tài “Nghiên cứu chẩn đoán biến chứng thận bằng Microalbumin

niệu trên bệnh nhân đái tháo đường típ 2 điều trị ngoại trú tại BVĐK tỉnh Quảng Ngãi năm 2021” với mục tiêu nhằm xác định tỉ lệ biến chứng thận bằng xét nghiệm Microalbumin niệu trên bệnh nhân ĐTĐ típ 2 và tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến Microalbumin niệu ở đối tượng nghiên cứu.

Với các mục tiêu đó, đề tài tiến hành nghiên cứu chẩn đoán biến chứng thận bằng MAU trên 188 bệnh nhân ĐTĐ típ 2 chưa có MAU điều trị ngoại trú tại



Cấu trúc của Nephron (đơn vị cấu trúc thận).

BVĐK tỉnh Quảng Ngãi.

Nghiên cứu đặc điểm chung của nhóm đối tượng nghiên cứu cho thấy đặc điểm về tuổi là tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu $64,08 \pm 9,89$ (tuổi thấp nhất 25 tuổi, cao nhất 90 tuổi), nhóm tuổi chiếm tỉ lệ ưu thế từ 60-69 tuổi chiếm 43,60%. Đặc điểm về giới, nam có 164 người chiếm 87,20% và tỉ lệ nam/nữ = 6,83. Về nghề nghiệp, hưu trí chiếm tỉ lệ cao nhất 77,10%, đối tượng công chức, viên chức 22,30%. Về một số thói quen hành vi, trong các thói quen hành vi thì không hút thuốc lá chiếm ưu thế 94,70%, thỉnh thoảng uống rượu bia chiếm 81,90%. Đặc điểm

về chỉ số BMI, có 116 người có BMI $> 23 \text{ kg/m}^2$, chiếm tỷ lệ 61,70%. Đặc điểm về tăng huyết áp, không tăng huyết chiếm 29,80%, tiền tăng huyết áp chiếm 52,70%, tăng huyết áp độ I chiếm 13,30%, tăng huyết áp độ II chiếm 4,20%. Một số đặc điểm cận lâm sàng là đa số các giá trị trung bình hoặc trung vị nằm ở giới hạn trên hoặc dưới giá trị bình thường.

Nghiên cứu về tỉ lệ biến chứng thận bằng xét nghiệm MAU của đề tài cho kết quả MAU trên bệnh nhân ĐTĐ típ 2 có MAU (-) là giá trị trung vị của MAU 8,55 mg/L, 22,90% MAU có nồng độ $\geq 20 \text{ mg/L}$. Về tỉ lệ biến chứng thận bằng

xét nghiệm Microalbumin niệu, 38 bệnh nhân có biến chứng thận $\geq 3 \text{ mg/mmol}$ chiếm tỉ lệ 20,20%.

Đề tài tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến MAU. Liên quan giữa Microalbumin với một số đặc điểm nền của đối tượng nghiên cứu cho thấy sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê khi phân tích mối liên quan giữa MAU ở các nhóm tuổi, giới, phân loại BMI ($p > 0,05$). Liên quan giữa Microalbumin với các nồng độ lipid máu của đối tượng nghiên cứu, sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê giữa MAU và các chỉ số bilan lipid máu ($p > 0,05$). Liên quan giữa Microalbumin với các nồng độ glucose máu lúc đói và HbA1c, sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê giữa MAU và nồng độ glucose máu lúc đói và HbA1c ($p > 0,05$). Liên quan giữa Microalbumin với mức lọc cầu thận (eGFR), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi so sánh MAU ở nhóm không giảm và có giảm mức lọc cầu thận ($p < 0,05$).

Ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài giúp phát hiện sớm được bệnh và có khả năng chẩn đoán, điều trị một cách kịp thời, đem lại hiệu quả cao trong chữa bệnh cho bệnh nhân ĐTĐ ■

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KỸ THUẬT THỤ TINH NHÂN TẠO TẠI BỆNH VIỆN SẢN NHI TỈNH QUẢNG NGÃI

✍ NGUYỄN TÚ

Vô sinh là một vấn đề lớn không chỉ ảnh hưởng đến hạnh phúc của cặp vợ chồng mà còn ảnh hưởng đến xã hội và cần một nguồn lực lớn để giải quyết tình trạng này. Hiện nay, bệnh nhân vô sinh tại Quảng Ngãi phải đi đến những trung tâm hỗ trợ sinh sản ngoài tỉnh để điều trị nên rất tốn kém thời gian và chi phí. Nhằm giảm chi phí cho bệnh nhân khi phải lên tuyến trên, nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ngãi đã được Bệnh viện Từ Dũ chuyển giao kỹ thuật thụ tinh nhân tạo. Sau một thời gian triển khai, kết quả của phương pháp này đã đem lại niềm vui hạnh phúc cho nhiều cặp vợ chồng hiếm muộn. Sự kết hợp kích thích buồng trứng với bơm tinh trùng vào buồng tử cung đã làm cải thiện rõ rệt tỷ lệ có thai trên lâm sàng. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có nghiên cứu thống kê chính xác về hiệu quả và kết quả của phương pháp này tại Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ngãi. Từ đó, Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ngãi nghiên cứu đề tài: “Đánh giá kết quả kỹ thuật thụ tinh nhân tạo tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi”.

Mục tiêu của đề tài là mô



Phòng Lab lọc rửa tinh trùng tại Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ngãi.

tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của cặp vợ chồng được chẩn đoán hiếm muộn được điều trị bằng phương pháp bơm tinh trùng vào buồng tử cung; đánh giá kết quả có thai và một số yếu tố liên quan đến tỷ lệ có thai của phương pháp bơm tinh trùng vào buồng tử cung.

Qua nghiên cứu 77 cặp vợ chồng được chẩn đoán hiếm muộn được thực hiện 99 chu kỳ bơm tinh trùng vào buồng tử cung tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi, cho thấy: Theo nhóm tuổi, tuổi thấp nhất của nhóm vợ là 22 tuổi, nhóm chồng là 23 tuổi; tuổi cao nhất của nhóm vợ là 38 tuổi, nhóm chồng là 44 tuổi; tuổi trung bình nhóm vợ $30 \pm 3,4$ tuổi, nhóm chồng

$32 \pm 3,9$ tuổi. Theo loại vô sinh, vô sinh I chiếm tỷ lệ cao hơn vô sinh II; vô sinh I có 57/77 cặp vợ chồng, chiếm 74,03%; vô sinh II có 20/77 cặp vợ chồng, chiếm 25,97%. Theo thời gian vô sinh, thời gian vô sinh trung bình của cặp vợ chồng được chẩn đoán hiếm muộn $2 \pm 1,9$ năm, ngắn nhất 1 năm và dài nhất 9 năm. Tiền sử sản phụ khoa, bệnh nhân có tiền sử viêm nhiễm phụ khoa chiếm 7,79%; nữ dị dạng sinh dục là tử cung hai sừng và có vách ngăn âm đạo 1,3%; tiền sử phẫu thuật lấy thai 6,49%; nạo hút lòng tử cung 2,6%; thực hiện phương pháp IUI (bơm tinh trùng vào buồng tử cung) 27,27%.

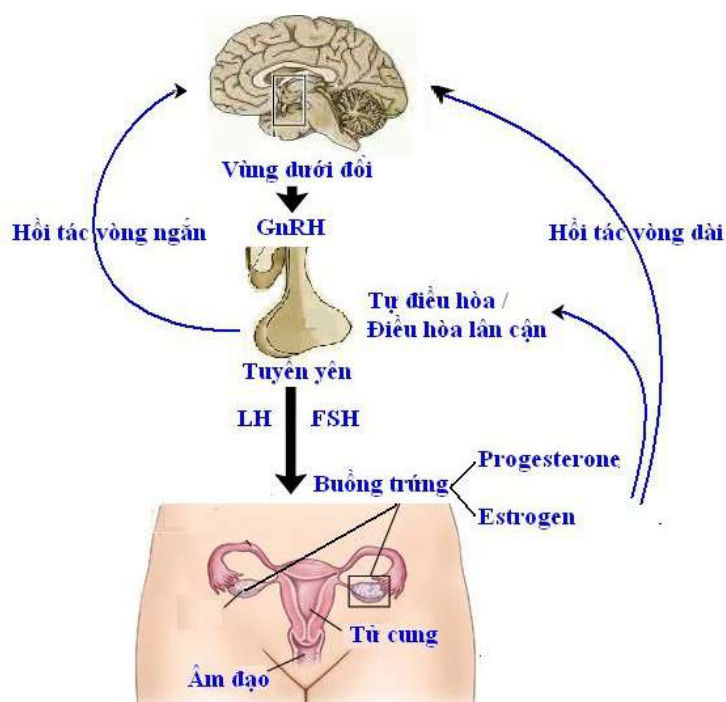
Đề tài nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm

sàng. Về đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của người nữ, tỷ lệ bệnh nhân có tình trạng mụn trứng cá 18,18%, tình trạng kinh nguyệt không đều 28,57%, tình trạng rậm lông 15,58%, tình trạng có các mảng tăng sắc tố da ở vùng cổ 2,6%; tỷ lệ bệnh nhân chụp tử cung vòi trứng có thông 01 bên vòi trứng 11,69% và 88,31% bệnh nhân chụp tử cung vòi trứng thông cả 2 vòi trứng, có 22 trường hợp bệnh nhân siêu âm phát hiện các bất thường chiếm 28,57% trong đó có 18 trường hợp có hình ảnh buồng trứng đa nang, 01 trường hợp có u xơ tử cung và 3 trường hợp có hình ảnh khuyết sọ mô lấy thai. Đặc điểm tinh dịch đồ trước và sau lọc rửa tính theo số chu kỳ IUI của người chồng cho thấy tinh trùng trước lọc rửa là tổng số lượng tinh trùng trung bình $(124,9 \pm 106,3).10^6/\text{ml}$ và người có số lượng tinh trùng thấp nhất $27.10^6/\text{ml}$, cao nhất $384.10^6/\text{ml}$; tỷ lệ tinh trùng di động tiến tới trung bình $(13,5 \pm 4,9) \%$, thấp nhất 4% và cao nhất 31%; mật độ tinh trùng trước rửa trung bình $(35,4 \pm 11,5).10^6/\text{ml}$ và người có mật độ tinh trùng thấp nhất $11.10^6/\text{ml}$, cao nhất $65.10^6/\text{ml}$; hình dạng bình thường $(1,6 \pm 0,6) \%$, thấp nhất 1% và cao nhất 3%; tinh trùng sau lọc rửa là mật độ tinh trùng trung bình sau lọc rửa đạt $(11,9 \pm$

$7,6).10^6/\text{ml}$ và người có mật độ tinh trùng thấp nhất trong nghiên cứu $1.10^6/\text{ml}$.

Kết quả có thai của phương pháp IUI cho kết quả hCG+ theo số chu kỳ IUI và theo số cặp vợ chồng là khi hCG+ biểu hiện có thai, kết quả hCG+ theo 77 cặp vợ chồng và theo chu kỳ là 99 chu kỳ thì tỷ lệ có thai tính theo số chu kỳ IUI 24,24%; tỷ lệ có thai tính theo cặp vợ chồng 31,17%. Kết quả có thai lâm sàng của cặp vợ

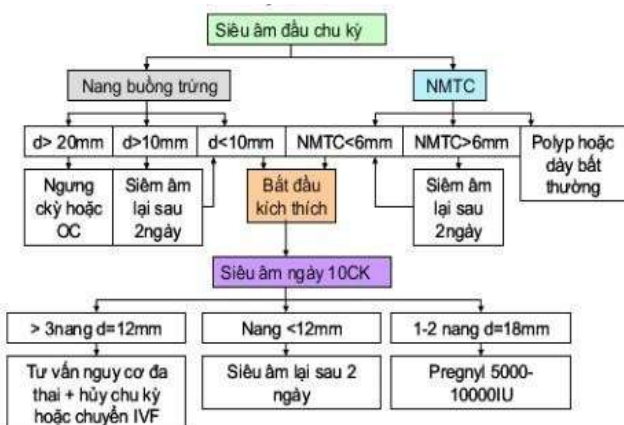
lệ cặp vợ chồng có thai lâm sàng khi thực hiện IUI lần thứ 3 50%; tỷ lệ có thai lâm sàng của các cặp vợ chồng khi thực hiện IUI 27,27%; tỷ lệ cặp vợ chồng có đa thai tính trên tổng số cặp vợ chồng có thai lâm sàng khi thực hiện IUI 19,05%. Tỷ lệ quá kích buồng trứng tính theo số cặp vợ chồng là có 2 cặp vợ chồng có quá kích buồng trứng chiếm tỷ lệ 2,6%. Kết quả có thai và một số nguyên nhân gây



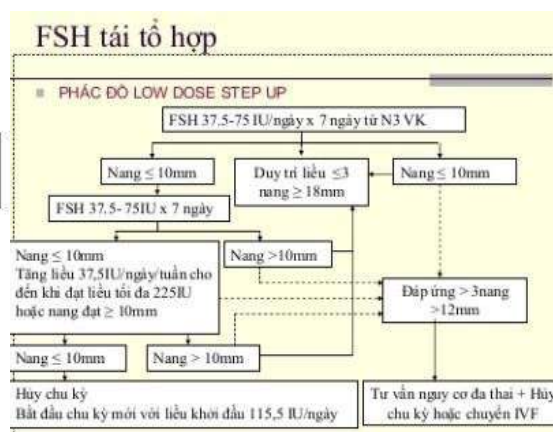
Cơ chế phản hồi của trục hạ đồi – tuyến yên – buồng trứng.

chồng tính theo số lần IUI là thai lâm sàng khi siêu âm qua đường âm đạo thấy túi thai sau thời gian thực hiện IUI 5 tuần cho tỷ lệ cặp vợ chồng có thai lâm sàng khi thực hiện IUI lần đầu tiên 26,32%; tỷ lệ cặp vợ chồng có thai lâm sàng khi thực hiện IUI lần thứ 2 27,78%; tỷ

vô sinh của cặp vợ chồng là khi hCG+ biểu hiện có thai, kết quả hCG+ theo nguyên nhân vô sinh của 77 cặp vợ chồng thì trong đó, không rõ nguyên nhân 02 cặp vợ chồng, yếu tố tinh trùng 43/77 người chồng, nhiều nguyên nhân cả vợ, lẫn chồng gây vô sinh 10/77



Lược đồ tiếp cận bệnh nhân kích thích đơn noãn.



Phác đồ FSHr trong kích thích đơn noãn.

cặp, rối loạn phóng noãn 22/77 người vợ.

Đề tài nghiên cứu mối liên quan giữa một số yếu tố và tỷ lệ có thai lâm sàng của phương pháp bơm tinh trùng vào buồng tử cung. Liên quan giữa tỷ lệ có thai với tuổi bệnh nhân nữ, tỷ lệ có thai giảm dần theo tuổi, sự khác biệt về tỷ lệ có thai giữa các nhóm tuổi không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$. Liên quan giữa tỷ lệ có thai và loại vô sinh của các cặp vợ chồng, có sự khác biệt về tỷ lệ có thai sau IUI giữa nhóm vô sinh I và nhóm vô sinh II có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Liên quan giữa thời gian vô sinh và tỷ lệ có thai của các cặp vợ chồng, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa thời gian vô sinh và tỷ lệ có thai với $p < 0,05$. Liên quan giữa tỷ lệ có thai và phương pháp kích thích buồng trứng, sự khác biệt về tỷ lệ có thai giữa

các nhóm phương pháp kích thích buồng trứng không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$. Liên quan giữa tỷ lệ có thai và kích thước nang noãn, không có sự khác biệt giữa tỷ lệ có thai ở nhóm có kích thước nang noãn trên và dưới 20 mm với $p > 0,05$. Liên quan giữa tỷ lệ có thai và số lượng nang noãn, sự khác biệt về tỷ lệ có thai ở 2 nhóm không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$. Liên quan giữa tỷ lệ có thai và độ dày niêm mạc tử cung, không có sự khác biệt về tỷ lệ có thai giữa các nhóm với $p > 0,05$. Liên quan giữa tỷ lệ có thai và mật độ tinh trùng trước lọc rửa, trung bình mật độ tinh trùng trước lọc rửa ở nhóm có thai ($39,3 \pm 10,3$). $10^6/\text{ml}$, nhỏ nhất 20, lớn nhất 54; trung bình mật độ tinh trùng trước lọc rửa ở nhóm không có thai ($33,7 \pm 12,5$). $10^6/\text{ml}$, nhỏ nhất 11, lớn nhất 65; sự khác biệt về

tỷ lệ có thai giữa các nhóm mật độ tinh trùng trước lọc rửa không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$. Liên quan giữa tỷ lệ có thai và mật độ tinh trùng sau lọc rửa, trung bình mật độ tinh trùng sau lọc rửa ở nhóm có thai ($13,2 \pm 8,6$). $10^6/\text{ml}$, nhỏ nhất 3, lớn nhất 32; trung bình mật độ tinh trùng sau lọc rửa ở nhóm không có thai ($12,2 \pm 7,9$). $10^6/\text{ml}$, nhỏ nhất 1, lớn nhất 33; sự khác biệt về tỷ lệ có thai giữa các nhóm mật độ tinh trùng sau lọc rửa không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$.

Đề tài ứng dụng thành công phương pháp IUI là một phương pháp đầu tiên trong hỗ trợ sinh sản, dễ thực hiện, đem lại hiệu quả trong điều trị và có thể được thực hiện cho nhiều cặp vợ chồng hiếm muộn trong tỉnh, đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh hiếm muộn cho người dân ■

KHỞI NGHIỆP TỪ PHÁT TRIỂN NGHỀ TRUYỀN THỐNG CỦA GIA ĐÌNH

✍ CẨM PHƯƠNG

“Kế thừa” từ nghề truyền thống của gia đình, anh Đào Trọng Mười ở xã Bình Đông, huyện Bình Sơn đã xây dựng thành công thương hiệu nước mắm Mười Quý. Hiện nay, sản phẩm của anh đã có mặt trên thị trường trong và ngoài tỉnh; được người tiêu dùng ưa chuộng, tin dùng bởi hương vị thơm, ngon đặc trưng và an toàn cho sức khỏe.

Lên lên trong một gia đình có truyền thống làm nước mắm lâu năm ở huyện Bình Sơn, anh Đào Trọng Mười đã nổi nghiệp từ nghề “gia truyền” của mẹ và bà ngoại. Năm 2012, sau hơn 6 năm làm việc ở nước ngoài, anh trở về quê nhà với số vốn tích lũy khá khá và quyết định đầu tư mở rộng quy mô sản xuất nước mắm của gia đình. Trước đây, quy mô sản xuất của gia đình anh chỉ 100 m², sản lượng nước mắm đạt 10.000 lít/năm. Năm 2018, anh thành lập Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Mười Quý (Công ty Mười Quý) với quy mô sản xuất lên đến 300 m² và nâng công suất chế biến nước mắm lên 80 tấn cá nguyên liệu mỗi năm.

Anh Đào Trọng Mười, Giám đốc Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Mười Quý chia sẻ: Sau khi ra trường và làm việc, tôi thấy bản thân mình không phù hợp



Các sản phẩm nước mắm Mười Quý được trưng bày và giới thiệu ở huyện Bình Sơn.

với ngành nghề đã học nên tôi đã quay về với nghề nước mắm của gia đình. Bị “mê hoặc” bởi hương vị của nước mắm nên tôi đã

nghiên cứu ra nhiều dòng sản phẩm nước mắm thơm ngon với mong muốn đưa sản phẩm phát triển ra thị trường nhằm “khôi phục”

lại nghề truyền thống của gia đình.

Với những nỗ lực không ngừng của bản thân suốt nhiều năm, hiện Công ty của anh đã có 2 dòng sản phẩm chính là nước mắm nhĩ và mắm nêm Mười Quý, đây là những sản phẩm được lựa chọn từ những nguyên liệu tươi ngon nhất và được ủ theo phương pháp truyền thống rất kỹ lưỡng, cầu kỳ. Hơn nữa, trong quá trình sản xuất, Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn thực phẩm và các sản phẩm đều được kiểm tra kỹ, được đăng ký và kiểm định của cơ quan nhà nước theo quy định.

Các sản phẩm của Công ty đã được quảng bá, giới thiệu rộng rãi đến người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh, cũng như thông qua các kênh bán hàng trên thị trường để mở rộng sản xuất kinh doanh. Hiện nay, những sản phẩm của Công ty đều đạt chứng nhận OCOP cấp quốc gia 3 sao.

Mỗi năm, sản lượng nước mắm của Công ty cung cấp ra thị trường đạt khoảng 40.000 lít, doanh thu đạt 2,9 tỷ đồng và đem lại lợi nhuận 490 triệu đồng, góp phần giải quyết việc làm và đem lại thu nhập cho các lao động ở địa phương.

Anh Đào Trọng Mười,



Sản phẩm nước mắm Mười quý được quảng bá, giới thiệu rộng rãi qua nhiều hình thức.

Giám đốc Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Mười Quý cho biết: *Tôi đang hướng đến phát triển du lịch cộng đồng để khách hàng có những trải nghiệm về cách làm nước mắm như thế nào để cho ra sản phẩm thơm ngon, từ đó họ thấy được giá trị của sản phẩm nước mắm và quay về sử dụng nước mắm truyền thống. Bên cạnh đó, tôi đã xây dựng showroom cho thương hiệu nước mắm Mười Quý ở huyện Bình Sơn để trưng bày và giới thiệu sản phẩm; ngoài ra, tôi đưa những sản phẩm khởi nghiệp, sản phẩm OCOP của tỉnh về trưng bày tại đây để khách hàng biết đến những sản phẩm chất lượng của tỉnh Quảng*

Ngãi. Ngoài việc giới thiệu sản phẩm ở đây cũng như qua hệ thống bán hàng truyền thống ở siêu thị Big C, Coop Mart thì tôi đang xây dựng kênh bán hàng trên các trang thương mại điện tử như shopee, Lazada hay youtube, facebook để tiện lợi cho người tiêu dùng trong việc mua sắm sản phẩm. Tôi hy vọng sẽ phát triển kinh doanh thành công hơn trong thời gian đến.

Với thành quả có được như hôm nay, có thể nói anh Đào Trọng Mười là tấm gương tiêu biểu trong phong trào khởi nghiệp của tỉnh, sáng tạo trong cách nghĩ cách làm và có những đóng góp cho kinh tế của địa phương. ■

THANH TRA TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG, GHI NHÃN HÀNG HÓA VÀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ

Thực hiện Quyết định số 39/QĐ-TTraKHCN ngày 22/5/2023 của Chánh Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ về việc thanh tra tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, ghi nhãn hàng hóa và sở hữu công nghiệp trong sản xuất, kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Từ ngày 26/5/2023 đến ngày 09/6/2023, Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra tại 20 cơ sở (Thành phố Quảng Ngãi: 05 cơ sở, huyện Tư Nghĩa: 03 cơ sở, huyện Bình Sơn: 04 cơ sở, huyện Ba Tơ: 02 cơ sở, huyện Sơn Hà: 04 cơ sở, huyện Nghĩa Hành: 02 cơ sở). Tổng số phương tiện đo (PTĐ) được kiểm tra: 19 cân phân tích (trong đó có 18 cân dùng để giao dịch với khách hàng, 01 cân sử dụng nội bộ). Tổng số mẫu được kiểm tra đo lường: 47 mẫu.

Kết quả thanh tra cho thấy: Hầu hết các cơ sở sản xuất, kinh doanh vàng đã tuân thủ tốt các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, ghi nhãn hàng hóa, như: Lưu giữ hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng (tiêu

chuẩn cơ sở) của sản phẩm đang kinh doanh; thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất; ghi nhãn hàng hóa đúng quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số cơ sở chưa chấp hành tốt các quy định này, cụ thể: Có 01/14 cơ sở có sản xuất, gia công vàng không công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định trong sản xuất; Có 01/20 cơ sở chưa thực hiện lưu giữ công bố tiêu chuẩn đối với các sản phẩm của doanh nghiệp đang kinh doanh.

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh có sử dụng PTĐ (cân phân tích) đều thực hiện kiểm định định kỳ đúng quy định, PTĐ đảm bảo yêu cầu về đo lường trong kinh doanh vàng (mức cân, độ chia kiểm phù hợp). Bên

 DUNG NGUYỄN cạnh đó, có 01 cân (sử dụng trong nội bộ của cơ sở) có phạm vi đo và độ chính xác không phù hợp với khối lượng vàng cần đo (cân có độ chia kiểm 10mg), Đoàn Thanh tra đã hướng dẫn cơ sở thực hiện trang bị cân có độ chia kiểm phù hợp; hầu hết các cơ sở thực hiện tự kiểm tra cân định kỳ hàng tuần và lưu giữ hồ sơ đầy đủ. Tuy nhiên có 03 cơ sở chưa thực hiện tốt thực hiện tự kiểm tra cân định kỳ và lưu hồ sơ theo dõi; kiểm tra về khối lượng 47 mẫu vàng, tất cả các mẫu vàng đều đảm bảo khối lượng như công bố của nhà sản xuất.

Các sản phẩm vàng (nhẫn tròn trơn) do các cơ sở trong tỉnh sản xuất có chất lượng phù hợp với công bố của cơ sở; Đa số mẫu vàng cơ sở đang kinh doanh có xuất xứ chủ yếu từ thành phố Hồ Chí Minh, có chất lượng phù hợp với công bố tiêu chuẩn áp dụng. Tuy nhiên, có 03 sản phẩm

(Xem tiếp trang 27)

QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ THU HÚT, TRỌNG DỤNG CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư 05/2023/TT-BKHCN ngày 22/05/2023 quy định chi tiết một số nội dung về thu hút, sử dụng và trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

Theo đó, các thành tích khoa học và công nghệ, cách tính điểm quy đổi thành tích khoa học và công nghệ để xem xét áp dụng chính sách trọng dụng, bao gồm:

- Bài báo khoa học đã được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế, trong nước có uy tín hoặc sách chuyên khảo hoặc giáo trình đã được xuất bản theo quy định của pháp luật;

- Giải thưởng về khoa học và công nghệ bao gồm: Giải thưởng uy tín trong nước, giải thưởng quốc tế về khoa học và công nghệ;

- Sáng chế hoặc giải pháp hữu ích hoặc giống cây trồng đã được cấp văn bằng bảo hộ;

- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xác định theo quy định tại Nghị định 08/2014/NĐ-CP;

- Dự án hoặc công trình hoặc đề án thuộc chuyên ngành kỹ thuật là các dự án



Ảnh minh họa (nguồn Internet).

hoặc công trình hoặc đề án phát triển, ứng dụng, triển khai công nghệ hoặc các nhiệm vụ khác thuộc phạm vi ngành kỹ thuật, kinh tế - kỹ thuật do cá nhân đảm nhiệm, được phân theo loại và cấp tại quy định của pháp luật chuyên ngành.

Bên cạnh đó, Thông tư số 05/2023/TT-BKHCN còn quy định, điểm quy đổi thành tích khoa học và công nghệ được xác định theo quy định tại khoản 2, Điều 3a, Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV. Theo đó, thành tích khoa học và công nghệ là giải thưởng của Bộ, ngành, địa phương về khoa học và công nghệ được tính 1,5 điểm quy đổi, trường hợp là Giải thưởng Tạ Quang Bửu, Giải thưởng Trần Đại Nghĩa

được tính 2,5 điểm quy đổi; Giải thưởng Kovalevskaia được tính 2,5 điểm quy đổi; Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ được tính 3,5 điểm quy đổi; Giải thưởng Hồ Chí Minh được tính 4 điểm quy đổi. Điểm quy đổi của Giải thưởng Sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, các giải thưởng uy tín trong nước khác về khoa học và công nghệ và các giải thưởng quốc tế về khoa học và công nghệ được xác định theo Danh mục do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 3 Thông tư số 05/2023/TT-BKHCN.

Thông tư số 05/2023/TT-BKHCN có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07/7/2023■

ANH KHUÊ

THAM GIA ĐỀ CỬ “DOANH NGHIỆP VIỆT NAM ĐIỂN HÌNH SÁNG TẠO NĂM 2023

ANH NGUYỄN



Trao cúp vàng Top 50 Doanh nghiệp Việt Nam điển hình sáng tạo lần thứ 5 - năm 2022.

Sự kiện vinh danh doanh nghiệp Việt Nam điển hình sáng tạo là hoạt động thường niên do Trung tâm nghiên cứu phát triển Thương hiệu Việt (trực thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam) phối hợp cùng Hiệp hội Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ Việt Nam tổ chức nhằm động viên, khích lệ các doanh nghiệp Việt Nam đã có những sáng kiến,

Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi vừa có văn bản số 3111/UBND-KGVX ngày 05/7/2023 giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh rà soát, đề cử doanh nghiệp tham gia xét chọn và vinh danh “Doanh nghiệp Việt Nam điển hình sáng tạo năm 2023”.

sáng chế và tích cực đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất kinh doanh tạo ra sản phẩm/dịch vụ chất lượng, có giá trị góp phần phát

triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Đối tượng tham dự là các doanh nghiệp nằm trong lãnh thổ Việt Nam, bao gồm: Doanh nghiệp tiêu

biểu thuộc thành viên Mạng truyền thông Thương hiệu Việt, Doanh nghiệp Hội viên thuộc Hiệp hội doanh nghiệp KH&CN Việt Nam, Doanh nghiệp tiêu biểu do UBND tỉnh/thành đề cử, tự nguyện tham gia và chấp hành tốt các quy định của Nhà nước và quốc tế về đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Điều kiện tham dự: Các doanh nghiệp tham gia phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

(1) Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất kinh doanh/dịch vụ; giáo dục đào tạo; ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm.

(2) Các doanh nghiệp phải đáp ứng đủ các điều kiện:

- Ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến; quy trình quản lý chất lượng, có nhiều sáng kiến, phát minh sáng chế để tạo ra những sản phẩm chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường, có sức cạnh tranh trên thị trường;

- Là doanh nghiệp ưu tú điển hình, phát triển bền vững đóng góp kinh tế cho địa phương;

- Đầu tư các nguồn lực để nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo dựng thương hiệu và bảo vệ uy tín Thương hiệu của doanh nghiệp. Bảo vệ tốt và không gây ô

nhiễm môi trường;

- Đảm bảo đời sống của người lao động. Tham gia tích cực công tác xã hội. Có mức tăng trưởng đều và vững chắc, đóng góp vào ngân sách tăng đều và đầy đủ. Thực hiện tốt việc bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng;

- Là doanh nghiệp đạt các thành tích xuất sắc được các Thủ tướng, Bộ ban ngành khen, thưởng...

Chương trình vinh danh và diễn đàn Xúc tiến Thương mại Việt Nam Hoa Kỳ dự kiến được tổ chức vào tháng 01 năm 2024, tại thành phố Hồ Chí Minh■

THANH TRA TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG...

(Tiếp theo trang 24)

vàng trang sức, mỹ nghệ được các doanh nghiệp mua từ các cơ sở sản xuất ở thành phố Hồ Chí Minh có chất lượng không phù hợp với công bố tiêu chuẩn áp dụng.

Qua thanh tra, Đoàn đã phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính đối với 04 cơ sở, với số tiền 19.500.000 đồng. trong đó: 01 cơ sở sản xuất, gia công vàng không công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định trong sản xuất;

03 cơ sở kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ có hàm lượng vàng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng. Đồng thời yêu cầu cơ sở vi phạm quy định về công bố tiêu chuẩn áp dụng chấm dứt ngay hành vi vi phạm, thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định trong sản xuất; buộc 03 cơ sở có mẫu vàng vi phạm về chất lượng thu hồi, tái chế hoặc thay đổi mục đích sử dụng.

Đồng thời, Đoàn Thanh

tra đã nhắc nhở, chấn chỉnh vi phạm đối với 01 cơ sở chưa thực hiện lưu giữ công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với các sản phẩm của doanh nghiệp đang kinh doanh và 03 cơ sở chưa thực hiện tốt việc tự kiểm tra cân định kỳ và lưu hồ sơ theo dõi. Đồng thời yêu cầu các cơ sở này phải chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật trong quá trình sản xuất kinh doanh ■

Danh mục dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ công trực tuyến thí điểm tiếp nhận và trả kết quả hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi

NGUYỄN DUNG

Thực hiện Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt và rút ngắn thời gian giải quyết đối với Danh mục dịch vụ công trực tuyến, Danh mục dịch vụ công trực tuyến thí điểm tiếp nhận và trả kết quả hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Sở Khoa học và Công nghệ đã có Thông báo số 1107/TB-SKHCN ngày 27/6/2023 về Danh mục dịch vụ công trực tuyến, Danh mục dịch vụ công trực tuyến thực hiện thí điểm tiếp nhận và trả kết quả hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ, cụ thể như sau:

1. Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ: Có 08 dịch vụ công, gồm: (1) Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước; (2) Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; (3) Cấp

11	2.002384.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Lĩnh vực An toàn bức xạ hạt nhân	Sở Khoa học và Công nghệ	Toàn trình	Nộp trực tuyến
12	2.002383.000.00.00.H48	Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Lĩnh vực An toàn bức xạ hạt nhân	Sở Khoa học và Công nghệ	TTHC chưa cung cấp DVCTT	Xem chi tiết
13	2.002382.000.00.00.H48	Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Lĩnh vực An toàn bức xạ hạt nhân	Sở Khoa học và Công nghệ	Toàn trình	Nộp trực tuyến
14	2.002381.000.00.00.H48	Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Lĩnh vực An toàn bức xạ hạt nhân	Sở Khoa học và Công nghệ	Một phần	Nộp trực tuyến
15	2.002380.000.00.00.H48	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Lĩnh vực An toàn bức xạ hạt nhân	Sở Khoa học và Công nghệ	Toàn trình	Nộp trực tuyến
16	2.002385.000.00.00.H48	Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Lĩnh vực An toàn bức xạ hạt nhân	Sở Khoa học và Công nghệ	Một phần	Nộp trực tuyến
17	1.006222.000.00.00.H48	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ	Lĩnh vực quản lý công sản (3)	Sở Khoa học và Công nghệ	TTHC chưa cung cấp DVCTT	Xem chi tiết
18	1.006221.000.00.00.H48	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp	Lĩnh vực quản lý công sản (3)	Sở Khoa học và Công nghệ	Một phần	Nộp trực tuyến

Thủ tục DVCTT của Sở KH&CN.

lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ; (4) Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (cấp tỉnh); (5) Cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; (6) Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; (7) Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của

tổ chức khoa học và công nghệ; (8) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ.

2. Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng: Có 03 dịch vụ công gồm: (1) Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu; (2) Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành; (3) Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của (Xem tiếp trang 32)

MỘT SỐ TIỆN ÍCH NỔI BẬT KHI SỬ DỤNG ỨNG DỤNG VNeID

✍ NGUYỄN PHƯƠNG



Các tiện ích của ứng dụng định danh điện tử - VNeID.

Ứng dụng định danh điện tử - VNeID do trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an Việt Nam phát triển, cung cấp các tiện ích trực tuyến cho người dân trên môi trường điện tử.

VNeID giúp định danh công dân trên môi trường kỹ thuật số, có giá trị thay thế cho các loại giấy tờ cá nhân truyền thống, đồng thời cung cấp nhiều tiện ích khác cho người dân.

Theo đó, Người dân sau khi kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức 1/mức 2 thành công có thể đăng nhập và sử dụng các chức năng, tiện ích trên ứng dụng VNeID như:

- Giải quyết dịch vụ công trực tuyến: Thông báo lưu trú, đăng ký thường trú, tạm trú, khai báo tạm vắng... sẽ

tự điền thông tin vào các biểu mẫu (form) đăng ký mà không phải khai báo, điền thông tin nhiều lần giúp tiết kiệm được nhiều thời gian, chi phí cho các loại biểu mẫu kê khai, giảm nhiều khâu thủ tục cần giải quyết.

- Các tính năng nổi bật: Ví giấy tờ, thông báo lưu trú, tố giác tội phạm... giúp công dân có thể thay thế CCCD gắn chip và các loại giấy tờ đã đăng ký tích hợp hiển thị trên ứng dụng VNeID như: Giấy phép lái xe, đăng ký xe, bảo hiểm y tế... Như vậy, khi người dân giao dịch hành chính sẽ giảm tối đa các giấy tờ phải mang theo, thực hiện các giao dịch tài chính như thanh toán hóa đơn điện, nước, đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, chuyển tiền...

Để sử dụng ứng dụng được thuận lợi, hiệu quả, người dân cần tải ứng dụng VNeID trên điện thoại thông minh. Đối với công dân đã có hồ sơ đăng ký tài khoản định danh và xác thực điện tử, đang chờ phê duyệt, cấp tài khoản; công dân làm thủ tục cấp tài khoản định danh và xác thực điện tử gắn với cấp đổi, cấp mới, cấp lại CCCD gắn chip; công dân làm thủ tục cấp tài khoản định danh và xác thực điện tử khi đã có thẻ CCCD gắn chip. Trong quá trình tải và sử dụng ứng dụng, nếu gặp vấn đề khó khăn, người dân có thể liên hệ Công an địa phương nơi gần nhất để được hướng dẫn kích hoạt tài khoản định danh và xác thực điện tử trên ứng dụng VNeID ■

HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SẢN XUẤT DƯA HẦU THEO TIÊU CHUẨN VIETGAP

✍ NGUYỄN DUNG



Mô hình sản xuất dưa hấu theo tiêu chuẩn VietGAP tại HTX SXNN kỹ thuật cao Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Mô hình sản xuất dưa hấu theo tiêu chuẩn VietGAP là một trong những nội dung của đề tài “Nghiên cứu xây dựng mô hình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) trên một số cây trồng có giá trị kinh tế cao để nâng cao nhận thức và năng lực canh tác của người dân tại tỉnh Quảng Ngãi” đã được Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế thực hiện thành công tại HTX SXNN kỹ thuật cao Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Sau đây, chúng tôi xin giới thiệu đến bà con kỹ thuật này.

1. Thời vụ trồng

Vụ sớm gieo trồng vào tháng 10 dương lịch và thu hoạch vào tháng 12 dương lịch. Vụ chính: gieo vào tháng 11 dương lịch và thu hoạch vào dịp tết. Vụ xuân hè gieo vào tháng 2 – 5 dương lịch.

2. Chọn đất trồng

- Dưa hấu có thể trồng trên chân đất cát pha đến thịt nhẹ.

- Vùng sản xuất dưa hấu áp dụng theo VietGAP phải được khảo sát, đánh giá sự phù hợp giữa điều kiện sản xuất thực tế với quy định hiện hành của nhà nước.

3. Chuẩn bị giống và gieo hạt

a. Chuẩn bị giống

- Dạng quả tròn: TN 12, TN 10, Hồng lương, Hắc long, An tiêm, Mặt trời đỏ...

- Dạng quả dài: Hắc Mỹ nhân, Apollo, HMN386, HMN755, Thiên Long, Phù Đồng, Chia Tai, ...

Giống phải có nguồn gốc rõ ràng, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép sản xuất.

b. Gieo hạt

- Xử lý nảy mầm hạt: Ngâm hạt dưa vào nước ấm có nhiệt độ từ 30 – 40°C hoặc có thể pha nước theo tỷ lệ 2 sôi 3 lạnh, thời gian ngâm từ 4 – 6 giờ tùy thời vụ. Sau khi ngâm vỏ hạt dưa



Cán bộ kỹ thuật kiểm tra cây dưa hấu sau trồng 15 ngày.

có nhót, dùng tro hoặc cát trộn vào xát sạch nhót, rửa sạch để ráo và đem ủ. Thời gian ủ khoảng 24 – 36 giờ, nhiệt độ ủ phải đảm bảo 32 – 35°C.

Ngay sau khi hạt xuất hiện rễ trắng nhỏ (nứt nanh) lúc đó hạt được xem là nảy mầm thì đem gieo.

- Trồng cây con ra ruộng: Những cây giống đủ tuổi và sẵn sàng để trồng ra ruộng khi có 4 – 5 lá thật.

- Mật độ và khoảng cách trồng: Hàng cách hàng: 2,5 m (hàng đơn) và 4,5 m (hàng kép) x Cây cách cây từ 40 – 45 cm. Mật độ từ: 9.000 – 11.000 cây/ha (tương ứng từ 450 – 550 cây/ 500 m²).

4. Quản lý đất trồng và làm đất

- Đất không được có tồn dư hóa chất độc hại.

- Đất cày bừa thật kỹ trước khi trồng 7 – 10 ngày, bón vôi cải tạo đất.

- Lên luống: cao 20 – 40 cm, rộng 40 – 50 cm.

Khoảng cách giữa 2 luống là 5 m. Sau khi trải bạt cho nước vào rãnh để cân mực nước, dùng cây đục lỗ (dùng lon nước bỏ húc, nước yến mài sắc hoặc bỏ than nóng để đục lỗ) theo chiều dọc của luống cách mặt nước 3 – 5 cm, đường kính lỗ khoảng 7 cm (mỗi luống 2 hàng lỗ). Khoảng cách giữa 2 lỗ 40 cm.

5. Bón phân

- Lượng phân bón cho 1 ha: 25 tấn phân chuồng + 110 kg N + 80 kg P₂O₅ + 90 kg K₂O + 500 kg vôi/ha. Lượng phân bón thương phẩm trên 1 ha là 25 tấn phân chuồng + 240 kg urê + 530 kg lân supe + 150 kg KCl + 500 kg vôi/ha.

- Cách bón: Cách bón phân cho từng loại được áp dụng như sau:

+ Bón lót: 100% Phân chuồng + 100% Vôi + 100% Lân + 50% Đạm + 50% Kali.

+ Thúc lần 1 (sau trồng 20 ngày): 25% Đạm + 20%

Kali.

+ Thúc lần 2 (cây đậu quả, sau trồng 35 – 40 ngày): 15% Đạm + 15% Kali.

+ Thúc lần 3 (nuôi quả, sau trồng 45 – 50 ngày): 10% Đạm + 15% Kali.

*Phun các phân vi sinh vật: Bắt đầu phun từ khi dưa có 3 – 4 lá thật, sau đó cứ 5 ngày phun một lần (nếu có).

Lưu ý: Cần kết thúc bón trước khi thu hoạch ít nhất 15 ngày.

6. Nước tưới và chăm sóc

a. Nước tưới

- Nước tưới phải đảm bảo theo tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam.

- Sử dụng nguồn nước tưới từ sông không bị ô nhiễm hoặc phải qua xử lý.

- Dùng nước sạch để pha phân bón lá và thuốc bảo vệ thực vật (BVTV).

b. Chăm sóc

- Trồng dặm: Sau khi gieo dự phòng 5 – 10% lượng giống cho vào bầu tiến hành trồng dặm khi cây lên thẳng hàng.

- Tưới nước: Giai đoạn cây con không cần tưới nhiều chỉ cần đủ ẩm. Khi cây bắt đầu cho trái tưới nước nhiều để nuôi quả.

- Tỉa cành, ghim dây: Sau khi trồng dưa 4 – 5 lá thật, chọn chồi nách phát triển giữ lại 2 – 3 chồi khoét sát gốc, tỉa bỏ những chồi thừa, sau đó tiến hành dùng ghim tre cố định ngọn.

- Thụ phấn bổ sung: Khi

cây ra nụ cái thứ 3 trên thân chính hoặc nụ cái thứ 2 trên nhánh phụ thì tiến hành thụ phấn bổ sung.

- Tuyển trái: Sau khi thụ phấn 5 – 7 ngày tiến hành chọn trái giữ lại trái dài, trái tròn đều (nếu là dưa tròn) nhiều lông tơ, cuống lớn, những trái còn lại trên gốc tiến hành cắt bỏ.

- Trổ trái: Dưa trước khi thu hoạch 14 – 16 ngày phải thường xuyên theo dõi và trổ trái.

7. Phòng trừ sâu bệnh

Dưa hấu thường bị các loại sâu bệnh hại chính sau đây: Rầy lửa, bọ trĩ, bọ rầy, sâu ăn tạp, sâu ăn lá, bệnh héo rũ, bệnh héo cây con, bệnh thán thư, bệnh đốm lá gốc, bệnh đốm phần... Cần áp dụng biện pháp phòng trừ tổng hợp như vệ sinh



Dưa hấu đến giai đoạn thu hoạch.

đồng ruộng, luân canh với cây trồng khác họ. Sử dụng thuốc BVTV phải nằm trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và sử dụng đúng kỹ thuật sẽ mang lại hiệu quả cao.

8. Thu hoạch

Ngưng tưới 5 – 7 ngày trước khi thu; cắt chừa phần dây ở 2 đầu cuốn (chữ thập)

từ 5 – 7 cm.

9. Các hướng dẫn khác thực hiện theo quy trình VietGAP

Công tác bảo hộ lao động, truy xuất nguồn gốc, đánh giá môi nguy, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận thực hiện theo TCVN 11892-1:2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ■

Danh mục dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ công...

tổ chức chứng nhận.

3. Lĩnh vực khoa học và công nghệ: Có 01 dịch vụ công gồm: Thẩm định công nghệ của dự án đầu tư.

4. Lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân: Có 06 dịch vụ công gồm: (1) Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế; (2) Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế; (3) Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng

thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế; (4) Cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế); (5) Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế; (6) Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.

5. Lĩnh vực quản lý công sản: Có 01 dịch vụ công gồm: Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học

(Tiếp theo trang 28)

và công nghệ ngân sách cấp
Từ ngày 26/6/2023 đến ngày 31/12/2023, Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện thí điểm tiếp nhận và trả kết quả hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, xin liên hệ số điện thoại hướng dẫn: 0255.3935555 (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh) ■

ẢNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Hội nghị phổ biến, chuyển giao kết quả đề tài KH&CN.



Sở Khoa học và Công nghệ làm việc với Đoàn công tác của Sở KH&CN tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.



Hội đồng tư vấn tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài KH&CN “Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ, gợi ý soạn thảo văn bản hành chính tại một số cơ quan hành chính của tỉnh Quảng Ngãi”



Nghiệm thu dự án “Ứng dụng KH-CN xây dựng mô hình liên kết bền vững trong sản xuất lúa giống xác nhận và gạo chất lượng cao đạt tiêu chuẩn VietGAP tại tỉnh Quảng Ngãi”



Hội đồng sơ tuyển GTCLQG đánh giá tại chỗ Công ty TNHH MTV Hào Hưng Quảng Ngãi tham gia GTCLQG năm 2023.



Kiểm tra các doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) trên địa bàn tỉnh.

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: 202 Trường Chinh, P. Chánh Lộ, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

ĐT: 0255.3822911 - Fax: 0255.3828529

Trung tâm có chức năng phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; thông tin và thống kê khoa học và công nghệ; triển khai hoạt động nghiên cứu, thực nghiệm, chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ; thực hiện dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các hoạt động dịch vụ khác trong lĩnh vực khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.



Máy quang phổ huỳnh quang tia X (dùng để xác định hàm lượng vàng trong sản phẩm vàng trang sức mỹ nghệ).



Kiểm định XI TEC ô tô.



Hệ Thống máy sắc khí (dùng để phân tích dư lượng thuốc BVTV trong nông sản, hợp chất hữu cơ trong nước).



Kiểm định đồng hồ nước.



Kiểm định công tơ điện.



Kiểm định máy đo X-quang.